



PHẬT VIỆT

Tập San Phật Giáo Việt Nam Tại Nhật Bản

在日本ベトナム仏教

MÙA AN CƯ *đầu tiên*

Số 1 - PL 2562



PHẬT VIỆT

Văn phòng tòa soạn chùa Việt Nam
☎ 046-281-4226

☎ 243-0307
Kanagawaken Aikogun Aikawamachi Hanbara 4889-1

Chủ biên:

ĐĐ. Thích Nhuận Ân

Phó biên:

ĐĐ. Thích Nhuận Phổ

SC. Thích Tâm Trí

Biên tập:

ĐĐ. Thích Pháp Nhơn

ĐĐ. Thích Tường Nghiêm

ĐĐ. Thích Châu Viên

SC. Thích Nữ Giới Bảo

SC. Thích Nữ Hiền Nhiên

Bài viết gửi về:

phatgiaovietnamtainhatban@gmail.com

NỘI DUNG

| | |
|---|---------|
| ◆ Lời nói đầu | trang 1 |
| ◆ Thư chúc tết | 3 |
| ◆ Những ngày An cư Kiết hạ tại Nhật Bản - Thích Như Điển | 6 |
| ◆ Xuân và tâm lực Bồ đề - Thích Thái Hòa | 9 |
| ◆ Đôi dòng khuyến tấn - Thích Minh Thông | 12 |
| ◆ Tổng quan Phật giáo Việt Nam tại Nhật Bản - Ban Biên Tập | 14 |
| ◆ Dòng chảy - Thích Tường Nghiêm | 20 |
| ◆ Qua sông - Nhật Uyển Thư Cư | 23 |
| ◆ Nhất viên tướng - Shushin Ito | 24 |
| ◆ Chớm xuân - Ani Chun Chun | 25 |
| ◆ Phật giáo Việt Nam tại Nhật Bản chặng đường và thử thách - Thích Nhuận Phổ | 26 |
| ◆ Định nghĩa Chánh niệm - Thanissaro Bhikkhu | 29 |
| ◆ Hồn Việt trên xứ phù tang - Nhuận Ân | 35 |
| ◆ Sự sống mâu nhiệm - Vô Trí | 39 |
| ◆ Mùi vô thường - Phan Chi Nguyên | 41 |
| ◆ Ký ức chùa Tôi - Thích Tâm Trí | 43 |
| ◆ Đóa phù sinh - Pháp Hải Châu Lâm | 48 |
| ◆ Hình ảnh Tăng thân - Hiền Nhiên | 49 |
| ◆ Chú Hồng hoàn tục - Giác Minh Luật | 53 |
| ◆ Lễ hội Vu Lan qua học thuyết của nhà Xã Hội Học Durkhiem - Thích Nữ Giới Bảo | 60 |
| ◆ Suy nghiệm về hạnh phúc - Lưu Đình Long | 68 |
| ◆ Có Chàng - Minh Thế | 71 |
| ◆ Ngã rẽ - Tâm Nước Thơm Trong | 74 |
| ◆ Làm sao để đẹp hơn mỗi ngày - Tường Vi | 76 |
| ◆ Quý tộc trong Phật giáo nghĩa là gì? - Pháp Hiền cư sỹ | 80 |
| ◆ Những niềm vui nho nhỏ - Tuệ Hải | 89 |
| ◆ Đường về chân như - Hoàng Trang | 91 |
| ◆ Thơ Khải Tĩnh | 93 |
| ◆ Những người giữ hồn thiêng Lạc Việt trên xứ sở hoa anh đào - Quảng Thiện | 94 |
| ◆ Tự Viện - Đạo Tràng Phật giáo Việt Nam tại Nhật Bản | 96 |

Hình bìa 1: Thích Tường Nghiêm

Bìa 4: thư pháp Thích Phương Niệm, thơ Sư cô Hạnh Viên



Lời nói đầu

Từ lâu, Nhật Bản được biết đến như một đất nước văn minh giàu đẹp, và cũng là nơi xuất phát của những kinh đô phồn thịnh có nền văn hóa Phật giáo phát triển rực rỡ. Trải qua nhiều thế kỷ tồn tại và phát triển, Phật giáo đã có sức ảnh hưởng rất lớn đến truyền thống, văn hóa, đạo đức và lối sống của người Nhật Bản. Trong quá trình hội nhập và giao thoa văn hóa Việt - Nhật, sự có mặt từ rất sớm của vị Tăng nhân lỗi lạc hiệu Phật Triết đến từ Việt Nam đã tạo tiền đề cho rất nhiều người Việt Nam nói chung và chư Tăng Ni nói riêng, đến Nhật Bản qua nhiều hình thức và giai đoạn lịch sử khác nhau.

Ngày nay, với khoảng trên dưới 20 Tăng Ni và 9 ngôi chùa Việt Nam trên toàn lãnh thổ đất nước Nhật Bản, một con số thật khiêm tốn so với hàng trăm ngàn tu sĩ và hàng chục ngàn ngôi chùa nguy nga tráng lệ của Nhật Bản. Thế nhưng, sự trường tồn của Phật giáo không dựa trên con số ít nhiều mà sự hòa hợp của đoàn thể Tăng già mới là một trong những nhân tố quyết định sự định hình và phát triển một nền Phật giáo trong tương lai. Sự hòa hợp ấy được thể hiện một cách sống động qua những ngày An cư Kiết hạ của chư Tăng Ni Việt Nam lần đầu tiên được tổ chức tại Chùa Việt Nam, thuộc vùng Aikawa, tỉnh Kanagawa, Nhật Bản.

Được sự quan tâm và động viên tinh thần của chư Tôn đức trong và ngoài nước, tập thể Tăng Ni Việt Nam hiện đang du học và hành đạo tại Nhật Bản cùng nhau thực hiện tập san Phật Việt. Ngõ hầu tiếp

nổi những hoài bão và báo đáp công đức cao dày của chư vị tiền bối khai sơn tạo tự trên quê hương xứ người. Các bài viết trong tập san phần nào nói lên được những trăn trở, thao thức, và lòng nhiệt huyết của thế hệ các Tăng Ni trẻ hôm nay đã và đang dần thân phụng sự cho Phật giáo và cộng đồng người Việt Nam nơi xứ sở hoa anh đào. Qua đó, giới thiệu rõ nét hơn về những sinh hoạt của Phật Giáo Việt Nam tại Nhật Bản trong giai đoạn hiện nay.

Trong tinh thần truyền đăng tục diệm, mùa An Cư 2018 là điểm nhấn lịch sử quan trọng cho sự khởi đầu đầy năng động của Phật Giáo Việt Nam tại Nhật Bản. Bởi lẽ, sau hơn 65 năm kể từ năm 1953 trở lại đây, lần đầu tiên Tăng Ni Việt Nam tại Nhật Bản cùng ngồi lại với nhau, cùng lắng nghe và bàn thảo những Phật sự cấp thiết cho hiện tại và tương lai. Với ý nghĩa cao cả ấy, “Mùa An Cư Đầu Tiên” cũng chính là chủ đề cho số đầu tiên của tập san Phật Việt.

Thay mặt Ban Biên Tập, chúng con kính tri ân đến chư Tôn đức Tăng Ni và Phật tử, kính cảm ơn các tác giả đã gửi bài đóng góp cho tập san. Dầu đã cố gắng rất nhiều trong việc thực hiện và biên tập số đầu tiên này, nhưng chắc chắn vẫn không sao tránh khỏi những điều thiếu sót. Kính mong chư Tôn đức, quý độc giả xa gần niệm tình hoan hỷ đón nhận.

Ban Biên Tập



Thư chúc Tết

Kính gửi: Chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư, Đại đức Tăng Ni, Phật tử Việt Nam.

Nam mô Đương Lai Hạ Sanh Di Lặc Tôn Phật.

Hòa cùng niềm vui chung của nhân loại đang đón mừng xuân 2019 – xuân Kỷ Hợi tràn đầy hy vọng, an lành, hỷ lạc, trong không khí rộn ràng hương sắc mới, Tăng Ni, Phật tử Phật giáo Việt Nam tại Nhật Bản chúng con thành tâm kính chúc chư Tôn Hòa thượng, chư Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni, quý Đạo hữu Phật Tử và độc giả một mùa xuân vạn sự kiết tường và an lạc.

Kính thưa quý vị.

Trời đất thì mênh mông mà lòng thì còn nhỏ hẹp, nhưng với tâm nguyện, và nhiệt huyết của người con Phật, mong quý vị hãy gác lại những hiềm giận, lợi danh, hiểu lầm... ở trong lòng mỗi người, xích lại gần nhau trao cho nhau ánh mắt từ bi nụ cười ấm áp để hương xuân mãi thêm nồng. Sự giá lạnh nơi đây không hẳn là điều khắc nghiệt, vì lòng người viễn xứ thương nhau đủ để ấm cả trời xuân. Xin gác lại những gì còn



dang dở, góp nhặt những bình yên, đứng cạnh nhau trong ước vọng thật hiền và trong tình người miên viễn. Xin cảm ơn những lần gặp gỡ, những ân tình dành tặng cho nhau, hạnh phúc nhiệm mầu được viết lên từ những điều bình dị. Sống trong đời chỉ cần một tấm lòng - biết hiểu và biết thương - thương thật hiền bằng trái tim có sự hiện hữu của tuệ giác, để cho ngọn đèn chánh pháp được tỏa rạng lợi lạc nhân sinh.

Trong hương vị ngọt ngào vui tươi của ngày Tết, với sự ấm áp đạo tình của người con Phật sống tha hương. Nhân dịp xuân Kỷ Hợi - 2019, Ban Biên Tập chúng tôi một lần nữa kính chúc quý vị tràn đầy sức khỏe và thân tâm thường an lạc, sống và làm việc với đầy đủ duyên lành trong ánh sáng từ bi của chư Phật mười phương.

Nam mô Hoan Hỷ Tạng Bồ Tát ma ha tát.

Ban Biên Tập

âm cơ đất thách ~~thư~~ ~~trung~~
hàng phụng chôn sắc thục sang
tinh ~~hàng~~

~~thiền~~ ~~trên~~ ~~âm~~ ~~trung~~ ~~sắc~~ ~~thục~~ ~~sang~~
Hạt ~~đĩa~~
đất viết

hỏi ~~ngay~~ ~~đầu~~ ~~biết~~

(ST. Nhật sắc)



Handwritten signature or name in cursive script.

Những ngày

An Cư Kiết Hạ tại Nhật Bản

Thích Như Điển

Có thể nói rằng, những ngày An cư Kiết hạ từ ngày 9 đến 15 tháng 8 năm 2018 của chư Tăng Ni Việt Nam tại Nhật Bản vừa qua, là những ngày khởi đầu năng động của Phật giáo Việt Nam tại Nhật Bản kể từ năm 1953 trở lại đây. Lý do đơn thuần chỉ vì việc học, nên chư Tăng Ni kể đến người đi, suốt một thời gian dài như thế, nay mới là thời điểm bắt đầu cho việc hoạt động Phật sự tại đây trở thành nề nếp, quy cũ.

Sở dĩ có được nhân duyên này là do cố Hòa thượng Thích Minh Tuyên đã thành lập, xây dựng nên chùa Việt Nam tại vùng Atsugi, thuộc tỉnh Kanagawa gần Tokyo; năm vừa qua (2017) chư Tăng Ni và Phật Tử Việt Nam khắp nơi tại Nhật Bản đã vân tập về đây để tham gia lễ Tang của Ngài và năm nay chính là ngày Tiểu Tường của Ngài cũng như lễ Lạc Thành chùa Việt Nam vào ngày 4-5 tháng 8 năm 2018. Sau đó nhân sự tụng sự, Đại đức Thích Nhuận Ân,

người trụ trì kế tục cố Hòa thượng đã cung thỉnh chư Tôn đức ở hải ngoại về tham gia những lễ trên và tiện thể tổ chức lễ An cư Kiết hạ lần đầu tiên, có đại diện của 5 chùa Việt Nam tại Nhật Bản tham dự và chư Tăng Ni có 17 vị tất cả. Đây là một niềm vui và là một vận hội mới cho Phật giáo Việt Nam tại đây.

Được biết rằng trong hiện tại của năm 2018 này, người Việt Nam chưa có giấy tờ định trú tại Nhật là 260.000 người và nếu kể cả những người có giấy tờ cư trú hoặc đã nhập quốc tịch trong suốt những năm qua độ 50.000 người nữa, thì con số này ngang ngửa với số người Việt Nam đang định cư, tỵ nạn tại Canada và Úc Châu. Đây là một tin mừng mà cũng có lắm nguồn tin không vui lắm, vì lẽ người Nhật trong hiện tại cần những thế hệ trẻ đến quê hương của họ để làm công nhân, nên người Việt Nam mới có cơ hội đến được xứ sở hoa anh đào này, nhưng những tệ nạn xã hội như ăn cắp vặt



Chư Tăng Ni khóa An cư Kiết hạ - 2018

hay ăn cắp có tổ chức lại bị phanh phui ở nhiều nơi trên nước Nhật do những băng nhóm người trẻ mới đến xứ này. Vô hình chung họ đã để lại những dấu ấn không hay làm hoen ố đi hình ảnh của người Việt Nam đến trước đã hy sinh, cần mẫn bao nhiêu trong khi làm việc để gây dựng nên sự nghiệp, do vậy mà chúng ta không thể vui được với những tin tức như thế này.

Từ những hình ảnh đó, chùa viện của Nhật Bản hay Việt Nam, hoặc chư Tăng Ni là những hình ảnh mô phạm để cho họ có thể nương nhờ, sám hối tội lỗi đã gây nên và cố gắng phục thiện để trở thành một người công dân tốt của cả hai nước Nhật - Việt.

Ở vào thời điểm xa xưa của những năm 1953, 1954 đến năm 1975 đã

có gần 30 chư Tôn Đức Tăng Ni từ Việt Nam đến du học tại Nhật Bản. Đa phần sau khi học xong họ đã về nước làm việc hay đến các xứ Âu, Mỹ, Úc để tiếp tục con đường phụng sự cho tha nhân. Do vậy mà trong thời gian này đã không có một ngôi chùa Việt Nam nào được thành lập tại Nhật Bản cả. Sau năm 1975 có một số chư Tăng Ni đến tỵ nạn tại đây, nhưng cuối cùng họ cũng đã ra đi định cư ở những nước thứ ba khác trên thế giới. Chỉ còn lại những vị Tăng Ni sinh đi du học sau này kể từ thời điểm 1994 đến nay, sau khi thành tài có một số quý vị về lại Việt Nam để làm việc và một số khác sau khi tốt nghiệp Cao Học hay Tiến Sĩ, họ quyết định ở lại đây lập chùa để hướng dẫn đời sống tinh thần cho những người Việt Nam

xa xứ. Do vậy Phật Giáo Việt Nam tại Nhật Bản mới có những ngôi chùa Việt được xây dựng nên, và mỗi ngôi chùa như vậy thường có các vị Tăng hay Ni Trụ trì. Đây cũng là cơ hội để họ ngồi lại với nhau cùng bàn thảo, cùng lắng nghe những thao thức của chư Tăng Ni và Phật tử, nhằm đáp ứng những nhu cầu tâm linh của họ.

Tôi may mắn đã tham dự được hai ngày đầu trong 7 ngày An cư Kiết hạ của chư Tăng Ni Việt Nam tại Nhật Bản. Họ là những người trẻ, năng động, có học vị cao. Do vậy mà việc tiếp nhận những ý kiến đóng góp xây dựng không có gì khó khăn mấy. Có kiết Tiểu Giới, Tịnh Trụ, Tịnh Khố để An cư và sau đó có lễ tác bạch An cư của tứ chúng xuất gia. Những ngày khác có tụng giới Bồ Tát của Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Sa Di và Bồ Tát giới. Hằng ngày có kinh hành quá đường, tụng Kinh Vu Lan cũng như kinh Địa Tạng và Sám Hối. Ngày Chủ Nhật có khóa tu niệm Phật một ngày cho Phật Tử. Trong hai ngày chúng tôi ở đó có đóng góp 4 buổi thuyết trình và hội thảo về: Đại Tạng Kinh Nam Truyền và Bắc Truyền; kinh nghiệm hoàng pháp tại ngoại quốc; một chút lịch sử của Phật giáo Việt Nam tại Nhật Bản xưa và nay. Những ngày còn lại chư Tăng Ni đã thảo luận về việc Bồ Tát tụng giới luân phiên tại các chùa ở Nhật cũng như việc tổ chức lễ Phật Đản, Vu Lan luân phiên với nhau v.v...

Như vậy đây là những việc đáng vui mừng và đáng tán dương.

Ngày nay Phật Giáo Việt Nam tại ngoại quốc đã có trên 800 ngôi chùa và nơi nào dù lớn hay nhỏ cũng đã, đang và sẽ thực hành nhiệm vụ chung là làm lợi lạc cho quần sanh. Do vậy, chúng tôi mong rằng từ khởi đầu, chùa Việt Nam tại Atsugi đã đi trước và chắc chắn rằng trong tương lai gần Phật Giáo Việt Nam tại Nhật Bản sẽ có nhiều khởi sắc hơn, khi chư Tăng Ni đã có nhiều điểm đồng thuận. Vì lẽ Tăng có nghĩa là hòa hợp, mà sự hòa hợp của Tăng chưa được tuân thủ toàn diện thì sự phát triển của Phật Giáo Việt Nam tại Nhật Bản cũng chưa đạt đến kết quả như những gì mong muốn.

Mong rằng những hoài bão của những bậc tiền bối khai sơn, tạo tự vẫn được duy trì tiếp nối con đường và ý chí của những người đi trước đã dày công tạo dựng, thì Phật giáo Việt Nam tại Nhật Bản không sớm muộn gì cũng sẽ phát triển có quy cũ, nề nếp như những chùa viện khác của Việt Nam đang có mặt tại ngoại quốc ngày nay.

Viết xong bài này vào sáng ngày 11 tháng 8 năm 2018 tại phi trường Dubai trong lúc chờ máy bay để trở về lại Dusseldorf, Đức Quốc. ■





Xuân

và tâm lực Bồ đề

Thích Thái Hòa

Trời Xuân Cảnh Phật

Chú ngựa đang chở nặng và khát nước, chú ta thấy trước mặt là cỏ và nước. Lợn cỏ non xanh do người phu ngựa treo lát lẻo ở trước mặt chú ngựa với mục đích đánh lừa, khiến chú ngựa phi nhanh. Chú ngựa càng phi nhanh, thì lợn cỏ non xanh lại càng lát lẻo chạy về phía trước. Phi càng nhanh, chú ta lại càng khát nước, chú thấy trước mặt có những sóng nước gợn lên giữa đường nhựa trưa hè, chú nỗ lực phóng hết sức, rượt chạy theo cho kịp sóng nước để uống. Càng rượt theo sóng nước, chú ngựa mệt nhoài và quy ngã giữa đường!

Cũng vậy, phần nhiều con người chạy rượt theo hạnh phúc và đã bị những ảo tưởng hạnh phúc nơi chính họ đánh lừa. Ảo tưởng nơi chính họ đã tạo ra ảo giác hạnh phúc cho

chính họ, khiến họ mỗi ngày đều rượt đuổi theo hạnh phúc phía trước.

Nhưng than ôi, phía trước là hố thẳm! Càng rượt về phía trước, đời sống con người càng rơi vào hố thẳm thất vọng và thương đau!

Lấp cạn hố thẳm trong đời sống con người là bỏ và buông hết thảy mọi ảo tưởng về "một cái tôi và cái của tôi". Buông bỏ mọi ảo tưởng, thì mùa xuân đích thực hiện ra. Mùa xuân đích thực luôn luôn có mặt đó cho ta, nhưng ta không thừa hưởng được hương vị của mùa xuân ấy, vì ta không biết dừng lại để cho mọi ảo tưởng lắng yên. Tâm yên Phật hiện và Phật hiện chính là mùa xuân của đất trời hiện ra. Tâm yên, thì trời xuân cảnh Phật liền hiện ra mà ta không cần phải vọng cầu hay nhọc công tìm kiếm.

Tín Kính, Đức Hạnh và Thông Minh

Một trong những tính tốt của con người là tín kính, đức hạnh và thông minh. Nhờ tính tốt này, con người có khả năng góp phần mình vào đất trời, tạo nên mùa xuân cho chính nó và cho cả muôn loài.

Không có tín kính, ta sẽ không có sinh lực của mùa xuân. Tín kính Tam bảo, ta sẽ có mùa xuân tâm linh để quay về. Tín kính Phật, ta sẽ có mùa xuân của tuệ giác, để nở sinh hoa trái tình yêu vô hạn; Tín kính Pháp, ta sẽ có mùa xuân linh hoạt và sống động để nở sinh hoa trái của tự do và giải thoát; Tín kính Tăng, ta sẽ có mùa xuân của hòa hợp và thanh tịnh để nở sinh hoa trái đạo đức và an bình; Tín kính cha mẹ, ta sẽ có mùa xuân nhân bản để quay về làm nở sinh hoa trái đôn hậu và nhân văn; Tín kính Tổ tiên, ta sẽ có mùa xuân của huyết thống để quay về, nở sinh hoa trái đoàn tụ và tin yêu; Tín kính Hồn thiêng sông núi, ta sẽ có mùa xuân quê hương để quay về và nở sinh hoa trái huyền quang, tương thân và tương ái.

Nên, tín kính, đức hạnh và thông minh là chất liệu tạo nên mùa xuân cho muôn vật và con người. Trong đời sống, ta thiếu tín kính, đức hạnh và thông minh, mùa xuân trở thành ảo ảnh hay chỉ là những miếng cỏ non treo lắt lẻo trước mặt cùng với những gợn nước cho vó ngựa rượt đuổi giữa nóng bỏng trưa hè!

Truyền Trao và Tiếp Nhận

Xuân không tự có mà có từ mùa đông. Đông không tự có mà có từ mùa thu. Thu không tự có mà có từ mùa hạ. Hạ không tự có mà có từ mùa xuân.

Bốn mùa không tự có mà có trong sự tương quan, tương sanh, nên bản tánh của mùa nào cũng rõ ràng sáng trong. Điểm sáng trong ấy, gọi là "linh quang nhất điểm", nó không phải đục, không phải trong, không phải đục, không phải ngang, không phải thẳng, không phải cong, không phải trên, không phải dưới, không phải trong, không phải ngoài, không phải pháp, không phải phi pháp, không có bất cứ một loại ngôn ngữ nhị nguyên nào có thể diễn đạt, cứ như thế mà bốn mùa truyền trao cho nhau và tiếp nhận cùng nhau và thay nhau khi ẩn, khi hiện giữa thời gian vô cùng và không gian vô tận.

Nên, đối với truyền thống tâm linh và văn hóa Việt Nam, giờ phút giao thừa, giữa đông và xuân, giữa năm cũ và năm mới rất quan trọng và linh thiêng.

Quan trọng, vì việc làm của cái cũ không phải chỉ là hoàn tất mà còn hoàn hảo. Mùa đông đã cưu mang, ấp ủ chất xuân của mình trong lạnh lẽo băng giá, để tạo nên một mùa xuân trinh bạch thanh khiết, ấm áp, hồn nhiên và hoàn hảo cho đời.

Linh thiêng, vì cái mới đã hoàn hảo ngay trong từng giây phút ôm ấp của cái cũ. Và chính cái hoàn tất trong từng giây phút ôm ấp ấy, lại là cái hoàn hảo của cái mới tột cùng. Mỗi khi cái cũ đã hoàn hảo, thì cái cũ không còn là cái cũ nữa, chính cái cũ là cái mới viên dung. Nên, giây phút linh thiêng là giây phút của cái cũ hoàn tất và ẩn tàng để cho một cái mới hoàn hảo tột cùng biểu hiện.

Nên, đêm giao thừa là đêm quan

trọng nhất và linh thiêng nhất của người Việt Nam có đời sống tâm linh và văn hóa đón tết, mừng xuân.

Đón tết là tiếp nhận linh khí tinh anh từ năm cũ truyền trao qua năm mới và mừng xuân là vui mừng, vì nhận được sức sống của ánh sáng mẫu nhiệm hay “nhất điểm linh quang” từ nơi trái tim nguyên ủy của đất trời khởi phóng và phổ truyền để dưỡng sinh muôn loại.

Sức sống hay ánh sáng mẫu nhiệm từ nơi trái tim nguyên ủy của trời đất ấy, gọi là pháp tánh và sức sống ấy hàm chứa nơi tâm thức của hết thảy chúng sanh, gọi là Như lai tạng tánh, Phật tánh chủng tử hay Bồ đề tâm địa.

Nên, người đệ tử Phật đón tết, mừng xuân chính là đón nhận rằng, mình vốn có Phật tánh, vốn có Như lai tạng hay Tự tánh bồ đề và nỗ lực làm cho tánh ấy sáng ra trong đời sống của mình, qua đi đứng nằm ngồi, nói năng hành động, để mùa xuân thật sự có mặt một cách đích thật trong đời sống của chúng ta và chính chúng ta là xuân.

Thệ Nguyện và Lên Đường

Những người con Phật, chính chúng ta là xuân mà không phải là hiện tượng của mùa xuân. Hiện tượng của mùa xuân tự nó bị giới hạn bởi thời gian và không gian, và bị điều kiện hóa bởi các duyên, nên chúng bị sanh thành và hủy diệt, bị tác động để biểu hiện hay ẩn tàng, còn xuân là Như lai, nên xuân là vô hạn.

Chính chúng ta là xuân, vì chính những người con của Phật đều được sinh ra từ tâm xuân của ngài và đã được nuôi lớn từ tâm xuân ấy. Tâm xuân chính là Phật tính hay bồ đề.

Từ nơi tâm xuân mà duyên vào đại nguyện để tạo thành tâm lực của mùa xuân, và từ nơi Phật tính mà khởi phát ước thệ từ bi, để sinh thành bồ đề nguyện lực, mà lên đường dưới vô số hình thức và tên gọi, vì lợi ích cho hết thảy chúng sanh.

Chúng sanh do vô minh vọng tưởng mà bị trôi dạt vào biển cả tử sinh, biến tâm Phật trở thành tâm chúng sanh; biến tri kiến trở thành tà kiến; biến vô cùng trở thành hữu hạn; biến tương sinh trở thành tương tranh; biến hỗ dụng trở thành lạm dụng; biến thanh tịnh trở thành ô nhiễm; biến hòa hợp trở thành phân cách; biến thanh khiết trở thành ô tạp; biến anh em trở thành thù hận; nên mùa xuân chợt thành mùa hạ; mùa thu chợt hóa mùa đông; chim đại bàng chợt thành sâu kiến.

Vì vậy, những người con Phật, nguyện sống vô tranh giữa những kẻ đua tranh; nguyện sống hoàn hảo giữa những kẻ bất hảo; nguyện sống hết lòng giữa những kẻ phản bội; nguyện sống buông bỏ giữa những kẻ tham chấp; nguyện sống từ bi giữa những kẻ thù hận; nguyện sống dũng cảm giữa những kẻ bạc nhược; nguyện sống giản dị giữa những kẻ xa hoa; nguyện sống im lặng giữa những kẻ lảm nhảm; nguyện sống bất động giữa những kẻ náo động; nguyện làm mùa xuân ngay trong mùa hạ; nguyện làm làn gió mát giữa trăng thu và nguyện làm những hạt nắng giữa trời đông để nuôi dưỡng tâm xuân và tạo thành mùa xuân giữa cơn rét bão nhân tính và tình người.

Ấy là xuân và tâm lực bồ đề của những người con Phật. ■

ĐÔI DÒNG KHUYẾN TÂN

Thích Minh Thông

Vừa qua, được nghe quý huynh đệ Tăng Ni Việt Nam trẻ đang tu học và hoằng pháp tại Nhật Bản đã tổ chức mùa An cư đầu tiên, có tụng Giới, Bố Tát, và nhất là huynh đệ sống hòa hợp với nhau. Đây là một việc làm rất đáng được trân trọng và tán thán.

Theo lời Phật dạy: Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni được gọi là Chúng Trung Tôn, nhờ nhiều đời trước của mình có gieo duyên lành với Phật pháp nên hiện tại mình được làm người xuất gia, được gặp chánh pháp để tu tập hành trì, sống đời sống phạm hạnh trên tinh thần “thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh”. Nên chư huynh đệ làm gì đi chăng nữa, cũng cố gắng gìn giữ nét đẹp của Tăng thân, sống hòa thuận như nước với sữa.

Dù ở quốc độ nào, các huynh đệ cũng luôn nhớ rằng: Tỳ kheo có nghĩa là khát sĩ, phá ác, bố ma nên phải luôn luôn nuôi dưỡng tâm niệm trong ánh sáng của trí tuệ, biết gạt bỏ những lầm chấp xung quanh để không vì vướng mắc tự thân mà quên đi chí nguyện của mình. Áo giáp tự thân tốt nhất để bảo vệ đời sống tu sĩ chính là Giới luật.

Trong kinh Niết Bàn có câu: “Tất cả chúng sanh đều thành Phật” nhưng Ngài dạy người giữ giới mới có thể

thành Phật, chứ người không giữ giới sẽ không bao giờ thành Phật. Trong đó, tinh thần “thiếu dục tri túc” là con đường thiết yếu để giữ gìn giới luật. “Thiếu dục” là ham muốn ít những gì chưa có, “tri túc” là biết đủ những gì mình đang có. Người biết thiếu dục tri túc thì luôn có sự an lạc trong bất cứ hoàn cảnh nào.

Hàng Tăng Ni trẻ chúng ta luôn ý thức rằng làm sao sống một đời sống an lạc hạnh phúc đó mới là điều cần thiết và quan trọng của người xuất gia. Hạnh phúc đây không phải là chùa to, Phật lớn, đệ tử đông, sống trong vật chất xa hoa... mà hạnh phúc ở đây là chúng ta sống trọn vẹn trong pháp, trong tinh Tăng thân cũng như sự xả ly vọng niệm của mình.

Đức Phật có dạy: Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni phải sống đúng tinh thần “Tứ thánh chúng”, đời sống đơn giản của vị xuất gia là hài lòng với những gì mình đang có. Thường người xuất gia nếu không tìm được hạnh phúc an lạc nội tại sẽ hướng ngoại tìm cầu hạnh phúc giả tạm ngũ dục của trần gian. Chư huynh đệ đã từng được học, “ngũ dục” là thứ khiến con người ta đắm say quên mất đường về, hưởng lạc trong sự khổ đau của nhân thế. Vì vậy, để kiện toàn được sự sống phạm hạnh của người xuất gia, có lẽ ai trong chúng ta cũng

hiểu rằng bất cứ sự đắm chìm nào cũng dẫn đến khổ đau, nên chúng ta luôn cần “tỉnh thức”.

Cũng biết rằng, ở nơi xứ người sẽ khó khăn muôn vạn lần khi chư huynh đệ phải học tập, làm việc với nền văn hóa khác, ngôn ngữ khác... ở đâu cũng có sự khó khăn riêng cho những bước chân đi ngược dòng của người xuất gia. Nhưng nếu chư huynh đệ đồng lòng sách tấn, cùng nhau hỗ trợ trong việc học tập, làm đạo thì trang sử mới của Phật giáo Việt Nam tại Nhật Bản sẽ có những dòng ghi ý nghĩa và Đạo pháp được xương minh trên xứ sở hoa anh đào.

Người làm Thầy, chỉ luôn mong chư huynh đệ trẻ biết cố gắng hiến tuổi trẻ của mình cho Đạo và Đời. Biết thiện xảo hoằng dương và truyền trì mạng mạch Phật pháp hợp thời nhưng không đánh mất đi bản sắc văn hóa của người Việt Nam, cũng như tinh thần giới luật.

Gió phương nào cũng vậy, sẽ đem hương của loài hoa bay khắp. Do vậy, nếu chúng ta là những bông hoa sen tinh khiết thì dù ở đâu, làm gì thì hương đức hạnh cũng lan tỏa khắp nơi. Đôi dòng nhắn gửi như vậy để khuyến khích chư huynh đệ đem Đạo vào Đời, biết dẫn thân và phụng sự. Con của Như Lai sẽ ở nhà Như Lai, mặc áo của Như Lai và làm việc của Như Lai. Hơn nữa, dù chúng ta đang ở học vị nào đi chăng nữa cũng nên nhớ rằng chuyện học cũng là chuyện tu, mà chuyện tu thì luôn cần bỏ những bám víu chấp chặt vào những định kiến sai lầm khiến cho tâm mình không được bình an.

Đến một lúc nào đó, chúng ta sẽ thấy rằng những hạnh phúc mà chư huynh đệ cùng nhau làm việc, cùng nhau học hành, cùng đưa ra những ý kiến sách tấn nhau trên tinh thần hòa ái là chất liệu quý báu xây dựng được sự từ bi trong mỗi chúng ta. Nếu được, chư huynh đệ nên có các kỳ Bồ tát, cùng nhau thảo luận về vấn đề giới luật cũng như các phương tiện hoằng pháp, học tập nơi xứ người.

Từ phương xa, cũng chỉ có vài lời gửi đến chư huynh đệ, mong rằng thế hệ Tăng Ni trẻ biết nhận thức và toàn tâm học hỏi, tu tập theo đúng đời sống phạm hạnh của người xuất gia. Chư huynh đệ luôn nhớ “chiếc áo không làm nên tu sĩ, nhưng tu sĩ không thể thiếu chiếc áo”. Vậy nên, việc giữ gìn giới luật cũng giống như sự quán niệm trong hơi thở của chúng ta vậy.

Chư huynh đệ nhớ lại lời dạy trong Quy Sơn Cảnh Sách, lấy làm lòng và theo đó mà phụng sự: *“phù xuất gia giả, phát túc siêu phương, tâm hình dị tục, thiệu long thánh chủng, chấn nhiếp ma quân, dụng báo tứ ân, bạt tế tam hữu. Nhược bất như thử, lạm xí tăng luân, ngôn hạnh hoang sơ, hư triêm tín thí, tích niên hành xứ thốn bộ bất di, hoảng hốt nhất sanh, tương hà bằng thị. Huống nãi đùng đùng tăng tướng, dung mạo khả quan, giai thị túc thực thiện căn cảm tư dị báo, tự nghi đoan nhiên cung thủ, bất quý thốn âm. Sự nghiệp bất cần, công quả vô nhân khắc tự, khởi khả nhất sanh không quá, ức diệc lại nhiếp vô ti.”*

Cầu chúc quý huynh đệ tại Nhật Bản luôn bình an và tinh tấn. ■

A hand holding a wooden pillar against a sunset background. The hand is positioned on the right side of the frame, with fingers wrapped around a thick, dark wooden pillar. The background is a gradient of warm colors, from orange at the top to blue at the bottom, suggesting a sunset or sunrise. The overall mood is serene and contemplative.

Tổng quan về

PHẬT GIÁO VIỆT NAM TẠI NHẬT BẢN

Ban Biên Tập

Đức Thế Tôn hiện hữu ở đời đã khơi mở ánh sáng chân lý, đem đến cho chúng sanh ngọn đuốc từ bi và trí tuệ, dẫn lối nhân loại trên hơn 2600 năm qua. Có thể nói giáo pháp của đức Phật chính là một dòng nước mát xoa dịu những nỗi khổ niềm đau trong nhân gian. Không phải là cơn thác, cũng chẳng phải là dòng chảy xiết, cuốn đi mọi thứ hay làm tàn hại cỏ cây, chân lý đó như một mạch nước ngầm âm thầm chảy, âm thầm tưới tẩm cho bất cứ nơi nào mà mạch ngầm ấy chảy qua. Dòng Pháp ấy đã lưu chuyển đều đến năm châu, trong đó có Việt Nam. Phật giáo Việt Nam là sự kết tinh giữa chân lý nhiệm mầu của Phật giáo và tinh hoa dân tộc Việt đã tồn tại hơn 21 thế kỷ qua. Mạch Pháp của sự kết tinh đó không chỉ dừng lại ở trong

nước mà đã cùng với những bước chân hành đạo của các bậc tiền nhân đi đến rất nhiều nơi trên thế giới. Trong đó, tại xứ sở mặt trời mọc, Phật giáo Việt Nam đã trở thành những hoa sen tươi thắm làm trang nghiêm tự thân và tô điểm thêm nét đặc trưng của mình trên đất nước này. Theo dòng thời gian, những ngôi chùa, những đạo tràng đang sinh hoạt mang đậm văn hóa truyền thống của quê hương Việt Nam đang dần được hình thành và phát triển.

Quay lại nhìn từ thời quá khứ, qua lời kể của các bậc tiền nhân và sử liệu ghi chép lại, sự khởi nguồn Phật giáo Việt Nam tại Nhật Bản bắt đầu vào thế kỷ thứ 8, khi Tăng nhân người đất Phù Nam hiệu là Phật Triết đã đến Nhật Bản vào năm 752. Lúc đó, Thánh Vũ Thiên Hoàng đã mời Ngài đến tỉnh Nara (kinh



đồ thời bấy giờ) để làm lễ khai nhân cúng dường tôn tượng Phật Tỳ Lô Giá Na, cũng như khánh thành chùa Đông Đại (Todaiji) với thầy của mình là ngài Bồ Đề Tiên Na, xuất thân từ Ấn Độ. Ngoài ra, Ngài đã dạy vũ điệu Cham-pa cho người Nhật, cho đến bây giờ vũ điệu đó vẫn được lưu truyền và bảo tồn.

Sau đó, từ năm 1953, trong phong trào chấn hưng Phật giáo của Trung Hoa do ngài Thái Hư Đại Sư chủ xướng về 3 cuộc cách mạng (cách mạng giáo chế, cách mạng giáo sản và cách mạng giáo hội) từ những thập niên 30 tại Trung Quốc. Điều đó ảnh hưởng không nhỏ đến công cuộc chấn hưng Phật giáo tại những nước lân cận và Việt Nam trong bối cảnh lịch sử lúc bấy giờ. Để xiển dương tinh thần dẫn thân phụng sự, đưa chánh pháp vào đời với sự ủng

hộ từ chư Tổ của Phật giáo Việt Nam đương thời cũng như những vị cư sĩ hộ đạo đặc lực, nhiều Tăng Ni trẻ Việt Nam có tài đức đã ra nước ngoài du học, hầu mở rộng kiến thức và trở về lại quê hương để góp phần xây dựng Đạo và Đời.

Trong những năm này, Hội Phật giáo tại Bắc Kỳ đã công cử Hòa thượng Thích Tâm Giác sang Nhật Bản du học, tại Trung Kỳ có Hòa thượng Thích Thiên Ân và tại Nam Kỳ có Thượng tọa Thích Quảng Minh. Sau đó, tiếp tục có những vị Tăng Ni được cử sang Nhật Bản du học, như quý Hòa thượng Thích Thanh Kiểm, Hòa thượng Thích Thanh Cát, Hòa thượng Thích Mãn Giác, Hòa thượng Thích Thiên Định, Hòa thượng Thích Trí Tâm, thầy Nguyên Hồng v.v... Trong số những vị này, chỉ có hai vị đã hoàn tục đó là thầy Quảng Minh và thầy Nguyên Hồng, còn những vị khác đã một thời làm nên lịch sử cho Phật giáo nước nhà cũng như ở ngoại quốc. Theo lời kể của Hoà thượng Thích Như Điển, chúng tôi được biết cụ thể rằng: "Hòa thượng Thích Tâm Giác sau khi tốt nghiệp Cao học Phật giáo tại Nhật Bản, Ngài về lại Việt Nam và kể từ năm 1964 đến năm 1973, Ngài đã làm Giám đốc Nha Tuyên Úy Phật giáo, Giám đốc trung tâm Nhu Đạo Quang Trung ở Sài Gòn, nơi đã đào tạo được rất nhiều nhân tài để phụng sự cho Đời và cho Đạo. Riêng Hòa thượng Thích Thiên Ân, sau khi tốt nghiệp Tiến sĩ Triết học tại Đại học Waseda, năm 1964 Ngài đã về lại nước đảm trách giảng dạy tại Đại học Vạn Hạnh - Sài Gòn cho đến năm 1966. Sau đó, Ngài sang Hoa Kỳ để làm Giáo sư thỉnh giảng tại nhiều nơi và

các đại học danh tiếng khác nhau. Cuối cùng, Ngài quyết định ở lại Hoa Kỳ, thành lập nên Trung tâm Thiền Quốc tế, Viện đại học Đông Phương cũng như chùa Việt Nam, chùa A Di Đà tại Los Angeles, California. Đến năm 1980, sau khi Ngài viên tịch thì sự truyền thừa về Thiền Lâm Tế Việt Nam tại nước Mỹ vẫn còn tiếp nối cho đến ngày nay.

Trong khi đó, Hòa thượng Thích Thanh Kiểm sau khi về lại Việt Nam, Ngài đã trú tại chùa Giác Minh cũng như chùa Vĩnh Nghiêm. Và suốt cả cuộc đời mình, lúc nào Ngài cũng hết lòng dẫn thân phụng sự vì Giáo dục và Hoằng pháp, cũng như chú tâm giúp đỡ cho những thế hệ Tăng Ni trẻ có cơ hội để vươn lên. Sau năm 1975, Hòa thượng Thích Thanh Cát đã sang Hoa Kỳ sống tại chùa Giác Minh - Pola Anto, California cho đến ngày nay..."

Từ năm 1964 đến 1975, đây được xem là giai đoạn chư Tăng Ni Việt Nam đến Nhật Bản du học đông nhất so với các thời kỳ trước đó. Trong đó có Hòa thượng Thích Minh Lễ, Hòa thượng Thích Trí Quảng, Hòa thượng Thích Minh Tâm, Ni sư Thích Nữ Như Chánh, Ni sư Mạn Đà La, thầy Long Nguyệt, Hòa thượng Thích Trí Đức, Hòa thượng Thích Đồng Từ, Hòa thượng Thích Chơn Minh, thầy Thích Như Tạng (Lâm Như Tạng), thầy Thích Giác Thiện, Hòa thượng Thích Trí Hiền, Hòa thượng Thích Minh Tuyên, Hòa thượng Thích Chơn Thành, Hòa thượng Thích Nguyên Đạt, Hòa thượng Thích Như Điển, Hòa thượng Thích An Thiên, thầy Minh Tuấn, Hòa thượng Thích Bảo Lạc, Hòa thượng Thích Phước Toàn... Vì điều kiện hoàn cảnh khác nhau, có những vị ở lại Nhật

Bản tiếp tục công việc học tập và hoằng pháp, nhưng cũng có một số vị trở về quê hương đóng góp cho Đạo và Đời.

Trong khi đó, mỗi năm tại Nhật Bản, quý Thầy Cô đã cùng nhau tổ chức những ngày đại lễ Phật Đản, lễ Vu Lan cho sinh viên và kiều bào Phật tử Việt Nam. Các buổi lễ thường được tổ chức tại những ngôi chùa của người Nhật. Từ những năm 1972 trở về sau, ít nhất là cho đến năm 1979, các lễ lớn vẫn thường được tổ chức tại chùa Thường Viên (Joenji - Shinjuku). Cũng trong thời kỳ này, tập san "Không Việt" (song ngữ Việt - Nhật) đã được xuất bản và duy trì cho đến năm 1981. Đây là tập san Phật giáo Việt Nam đầu tiên tại Nhật Bản, với mục đích chia sẻ văn hóa truyền thống về đất nước và Phật giáo. Đồng thời cũng là cầu nối thông tin cho các Tăng Ni và cộng đồng người Việt lúc bấy giờ.

Tiếp đến, từ năm 1975 đã có nhiều Tăng Ni đến Nhật Bản và từ đây đi tiếp đến những nước khác. Năm 1982, Hòa thượng Thích Như Huệ sang định cư tại Úc, Ni trưởng Thích Nữ Diệu Từ định cư tại Hoa Kỳ và Hòa thượng Thích Chơn Lễ, sau một thời gian ở Nhật, nay cũng đã định trú tại Hoa Kỳ. Thêm vào đó, những vị sau khi học xong đại học tại Nhật Bản đã sang các nước khác định cư, trong đó có Ni Trưởng Thích Nữ Như Chánh đến Hoa Kỳ vào năm 1976, Hoà Thượng Thích Như Điển sang Đức năm 1977, Hòa thượng Thích Minh Lễ, Hòa thượng Thích Phước Toàn sang Pháp năm 1975, Hòa thượng Thích Bảo Lạc, Hòa thượng Thích An Thiên sang Úc năm 1981, 1990. Trong khi đó, một số du học sinh Việt Nam trước 1975



trở thành những Tăng sĩ Nhật Bản, như thầy Triệt Học Trần Đức Giang, nay vẫn còn lưu trú tại Nhật. Đặc biệt, có Hòa thượng Thích Minh Tuyên đã đến trước 1975 và trụ tại đây cho đến cuối đời. Cũng trong thời kỳ này, Ni trưởng Thích Nữ Thông Thắng đã đồng hành cùng với quý Hòa thượng xây dựng các đạo tràng.

Từ năm 1995 đến nay, tiếp nối tinh thần cầu học để mở rộng kiến thức, chư Tăng Ni đến Nhật Bản du học mỗi năm ngày càng đông hơn. Và điểm đáng nói ở đây, Phật giáo Việt Nam tại Nhật Bản đã có những mốc son mới, ghi lên những trang sử qua sự cố gắng cũng như nỗ lực dựng xây Phật giáo bằng những hình thức khác nhau trong xứ mệnh hoàng pháp nơi xứ người. Hiện nay đã có những vị tốt nghiệp Thạc sĩ, Tiến sĩ tại Nhật và trở về nước tiếp tục sự nghiệp hoàng pháp của mình. Đồng

thời vẫn có những vị hiện đang theo học các cấp bậc từ Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ tại các trường Đại học Phật giáo trên khắp cả nước Nhật.

Được biết đến năm 2018, theo thống kê chính thức của chính phủ nước sở tại, người Việt Nam hiện đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản lên đến con số hơn 260.000 người. Trong số đó có hơn 50.000 là nghiên cứu sinh hay sinh viên du học, và tu nghiệp sinh. Đó là chưa kể những người đến Nhật Bản du học trước 1975 và những người đến định cư sau đó, nay sự nghiệp của họ cũng đã thành danh và con cái của họ cũng đã hội nhập vào xã hội Nhật Bản. Con số này cũng không dưới 30.000 người. Như vậy, cộng đồng người Việt Nam ở Nhật Bản trong hiện tại lên đến gần 300.000 người. Khi số người Việt tại các địa phương ở Nhật Bản ngày càng tăng, cuộc sống ngày càng ổn định thì

vấn đề tâm linh đã trở thành nhu cầu tất yếu của mỗi người.

Trong bối cảnh đó, những ngôi chùa Việt Nam lần lượt được hình thành, nhằm mục đích kết nối cộng đồng, hướng dẫn mọi người tu tập theo chánh pháp và giữ gìn nét đẹp văn hoá Việt Nam trên xứ sở hoa anh đào.

Cụ thể, ở vùng Kanto hiện nay có 5 ngôi chùa đang sinh hoạt. Đầu tiên phải kể đến chùa Việt Nam - Kanagawa do cố Hoà thượng Thích Minh Tuyên sáng lập (2000). Trải qua nhiều thời gian khó khăn và biến cố, bằng sự nhiệt tâm hết lòng vì Đạo, cố Hoà thượng đã hoàn thành ngôi Tam bảo trang nghiêm được xây dựng bằng bê tông cốt thép, mang đậm nét kiến trúc truyền thống của chùa Việt Nam. Có thể nói, đây là một công trình độc đáo bằng chất liệu như thế tại Nhật Bản. Hiện tại, chùa được kế thừa trụ trì bởi đại đức Thích Nhuận Ân. Tiếp đến là chùa Nam Hoà - Saitama do Ni trưởng Thích Thông Thắng thành lập (2006). Sở dĩ ngôi chùa có tên Nam Hoà với ý nghĩa "Nam" trong quốc hiệu của nước Việt Nam, "Hoà" trong Đại Hoà (nguyên quốc hiệu) của nước Nhật Bản. Với ý nghĩa đó, Ni trưởng mong muốn có được sự giao thoa văn hóa và Phật giáo giữa hai nước. Kế tiếp là chùa Nisshinkutsu - Tokyo. Tuy rằng đây là ngôi chùa theo tông phái Tịnh Độ, Nhật Bản, do Hoà thượng Yoshimizu Daichi trụ trì, thế nhưng Hoà thượng đã hoan hỷ cho phép sư cô Thích Tâm Trí lấy đây làm nơi sinh hoạt cộng đồng cho người Việt Nam tại Tokyo và các vùng lân cận. Ngôi chùa thứ 4 tại vùng này là chùa Linh Sơn - Kanagawa được sáng lập bởi Thượng tọa Thích Trí Thoát. Tuy

Thượng tọa không thường trực tại Nhật Bản, nhưng các sự kiện sinh hoạt cộng đồng tại chùa vẫn được duy trì bình thường dưới sự hướng dẫn, trợ duyên của Thượng tọa và Tăng chúng chùa Linh Sơn - Canada. Vào năm 2018, sư cô Thích Tâm Trí đã thỉnh được ngôi chùa Đại Ân - Honjo, Saitama. Đây là nơi sinh hoạt tâm linh mới cho Phật tử, cộng đồng bà con người Việt định cư tại Honjo và những vùng xung quanh.

Kế đến, tại vùng Tokai có chùa Phước Huệ - Aichi. Đây cũng là ngôi chùa nằm trong khuôn viên chùa Đức Lâm (Tokurinji) Nhật Bản theo tông phái Tào Động do Hoà Thượng Takaoka trụ trì và cho phép Ni sư Như Tâm làm nơi sinh hoạt cộng đồng cho người Việt Nam tại Nagoya và các vùng lân cận. Cũng trong năm 2018, Ni sư Như Tâm cùng bà con Phật tử đã thỉnh được chùa Tinh Tấn - Hamamastu, Shizuoka. Từ đây sinh hoạt Phật giáo và cộng đồng đã có thêm khởi sắc mới.

Đọc theo địa lý xuống tiếp miền tây Nhật Bản, trước tiên có chùa Hoà Lạc - Kobe được Đại đức Thích Nhuận Phổ thành lập năm 2011. Chùa tuy nhỏ bé nhưng luôn mang lại nhiều niềm vui và tiếng cười cho những người con Phật. Những câu kinh tiếng kệ vang vọng hằng đêm làm ấm lòng những người con Việt xa xứ, chùa như là một mái nhà thân thương để tất cả mọi người đều có thể trở về sau một ngày làm việc mệt mỏi. Hai năm sau (2013), thể theo nguyện vọng của cộng đồng Phật tử tại vùng Himeji, Đại đức Thích Nhuận Phổ đã tiếp tục thành lập thêm ngôi chùa thứ hai mang tên Đại Nam. Đây cũng là ngôi chùa có đủ duyên lành cung thỉnh và an

trí tôn tượng Phật ngọc hòa bình thế giới vào năm 2014. Cũng trong thành phố Himeji này, có thêm một ngôi chùa Việt Nam được mang tên Phước Viên do Đại đức Thích Quảng Niệm thành lập vào năm 2013. Trong chánh điện của chùa có tôn trí ba tượng Phật bằng đá được điêu khắc rất tinh xảo và trang nghiêm. Ngoài khuôn viên chùa, những tán cây hoa anh đào rợp bóng dọc theo dòng kênh nhỏ tạo nên một sự kết hợp hài hoà giữa hai nền văn hóa Việt - Nhật. Trên tinh thần tiếp tục dẫn thân phụng sự, đem Phật giáo truyền bá rộng rãi hơn nữa, Đại đức Thích Quảng Niệm đã thành lập thêm chùa Phước Quang - Yao (2015). Đây vốn là một ngôi nhà cũ đã được Đại đức và cộng đồng Phật tử chung tay góp sức tạo thành mái nhà tâm linh cho người dân địa phương.

Hàng năm, các chùa đã tổ chức khoá tu hàng tháng, nhằm mục đích chia sẻ giáo lý cho cộng đồng, đặc biệt cho thế hệ trẻ đang sinh sống, học tập và làm việc tại Nhật Bản, từ đó có được định hướng tốt trong cuộc sống xa quê hương, gia đình. Những đại lễ lớn như Phật Đản, Vu Lan, Trung Thu, Tết dương lịch và Tết Nguyên Đán đều được quý Thầy Cô tận tình tạo ra những buổi lễ trang nghiêm, long trọng và mang đậm nét văn hoá Việt Nam, giúp cộng đồng Phật tử có điều kiện giao lưu, học hỏi dưới ánh sáng tinh thương của đức Phật. Bên cạnh đó, các chùa còn mở lớp dạy tiếng Việt cho con em kiều bào sinh ra tại Nhật Bản, cũng như những chương trình từ thiện, giúp đỡ người nghèo, những hoàn cảnh khó khăn trong nhiều trường hợp khác nhau. Hơn thế nữa, trong những tình huống khẩn cấp, quý

Thầy Cô luôn kịp thời có mặt để quan tâm, chia sẻ, động viên và khích lệ tinh thần giúp mọi người vượt qua những bế tắc hiện tại. Hình ảnh đoàn kết và tương thân tương ái cũng được quý Thầy Cô thể hiện trong cộng đồng Việt Nam và Nhật Bản, thông qua hình thức giao lưu văn hóa giữa hai nước trong những sự kiện hữu nghị, cũng như nhiều lần chung tay góp sức, chia sẻ với người dân bản địa trong những lần động đất, sóng thần.

Điểm nổi bật nhất, trong năm 2018 vừa qua, dựa trên tinh thần lục hoà, chư Tăng Ni Việt Nam đang sinh sống, học tập và hoằng pháp tại Nhật Bản đã tổ chức khoá An Cư đầu tiên. Cũng trong mùa An Cư này, chư Tăng Ni đã ngồi lại tụng Giới, tu tập và cùng nhau đưa ra những định hướng mới trong thời gian tới. Trong giai đoạn giao thoa giữa hai nền văn hoá Việt - Nhật, có thể nói, đây là một mốc son lịch sử, là một bước chuyển mình đáng ghi nhận của Phật giáo Việt Nam tại Nhật Bản. Với những thành quả đáng kể đã đạt được trong quá khứ của các bậc tiền nhân, quý Thầy Cô đang hoằng pháp và học tập tại Nhật Bản đã và đang nỗ lực hết mình vì Phật giáo nói riêng và cộng đồng người Việt Nam nói chung. Qua bài viết này, ban biên tập chúng tôi muốn được giới thiệu sơ lược về dòng chảy lịch sử, cũng như những điểm nhấn huy hoàng của Phật Giáo Việt Nam tại Nhật Bản từ lúc khởi nguyên đến bây giờ. ■

Bài viết tham khảo dựa trên bài "Phật Giáo Việt Nam tại Nhật Bản qua các thời kỳ (từ năm 1953 đến năm 2018)" của Hòa thượng Thích Như Điển, cũng như những tư liệu được cung cấp bởi quý Thầy Cô đang hoằng pháp tại Nhật Bản..

Dòng chảy

Thích Tường Nghiêm

Ngược dòng thời gian, cũng đã hơn 9 năm kể từ khi tôi bước chân sang Nhật Bản du học. Với tư cách là du học sinh, cũng như dưới tư cách là một tu sĩ Phật giáo Việt Nam, tôi đã được học và trải nghiệm rất nhiều thứ nơi đây. Chùng đó thời gian, cũng đủ khiến cho một cậu thanh niên chỉ mới 21 tuổi như tôi, trưởng thành lên rất nhiều.

Nếu ai đã từng sang Nhật để du học hoặc làm việc từ những năm 2010 cho đến nay, hẳn mọi người đều đã có những trải nghiệm khá giống như tôi về đất nước Nhật. Từ con người, xã hội, kinh tế, chính trị cho đến những thiên tai khủng khiếp mà ở Việt Nam chúng ta chưa từng gặp. Nhắc đến thiên tai, nó làm tôi nhớ đến những ngày đầu đặt chân đến đây, lúc đó mọi thứ còn rất mới mẻ đối với tôi. Sau vài tháng tưởng chừng như đã quen được với cuộc sống yên bình và xinh đẹp ở xứ sở hoa anh đào này. Lần đầu tiên trong đời, tôi đã gián tiếp chứng kiến một thảm họa kép trong những ngày tháng 3 giá rét. Nói đến đây, chắc mọi người ai cũng biết tôi đang nhắc đến sự kiện nào rồi. Đúng vậy, đó chính là trận động đất xảy ra

vào ngày 11/3/2011 với tâm chấn lên đến 9 độ richter, và theo sau đó là con sóng thần dâng cao gần 40m. Nó đã nhấn chìm nhiều thành phố và cướp đi hàng ngàn sinh mạng đáng thương. Vào thời điểm này, cả đất nước Nhật như chìm vào trong bầu không khí tang thương chưa từng thấy. Mặc dù không trực tiếp hứng chịu thảm họa, nhưng đối với một cậu thanh niên mới chỉ hơn 20 tuổi như tôi, đó quả thật là một trải nghiệm vô cùng kinh khủng mà tôi nghĩ ai trong những người cùng có mặt ở Nhật lúc đó cũng đều khiếp hãi như tôi. Trong lúc đau thương và tuyệt vọng như thế, một lần nữa tôi lại xúc động qua hình ảnh giữa con người với con người đã cùng nhau tương trợ bằng những nghĩa cử cao đẹp, nhân văn. Lần đầu tiên tôi đã thấy được tình cảm ấm áp của nhân loại, tình cảm ấy đã mang lại cho tôi rất nhiều cảm xúc và thán phục. Tất cả những hình ảnh đó đều là những bài học về triết lí vô thường, cảnh khổ của thế gian và hơn hết đó chính là nghĩa cử cao đẹp giữa con người và con người với nhau.

Tôi xin được tả cảm xúc đó qua bốn câu thơ:

Có người nằm lạnh lẽo
Có người chờ xa xăm
Bàn tay mang hơi ấm
Lặng choàng tiết lạnh căm.

Nói về thời điểm lúc bấy giờ của năm 2010, số lượng quý Thầy Cô đang sinh sống và học tập ở Nhật rất ít, có thể nói chỉ đếm trên đầu ngón tay. Lúc đó, tôi cũng nghe nói có một ngôi chùa của Việt Nam và một số đạo tràng nhỏ lẻ do quý Thầy Cô hướng dẫn. Mặc dù xung quanh tôi cũng có nhiều bạn bè người Việt Nam cùng qua đây du học, tuy nhiên chúng tôi không thể hòa đồng một cách hoàn toàn được, vì dù sao tôi vẫn là tu sĩ và lối sinh hoạt cũng có những phần khác biệt. Vào mỗi buổi chiều hoặc đêm có trăng, tôi thường nhớ đến thầy tổ, nhớ đến huynh đệ và nhớ về cuộc sống thanh bình ở chùa. Cảm giác thèm được nghe tiếng chuông, tiếng mõ của hai thời kinh sớm tối cứ miên man trong lòng. Có khi, tôi chợt tỉnh giấc trong đêm vì nghe được tiếng đại hồng chung ngân lên trong giấc mơ. Những cảm xúc đó, đến bây giờ tôi vẫn không thể nào quên được. Những lúc như vậy, tôi ước gì có thêm nhiều ngôi chùa Việt và thêm nhiều vị tu sĩ Việt nữa, cùng đến đây để tu học và hoằng Pháp tại xứ sở hoa anh đào này. Để có thể thỏa nỗi lòng của một tu sĩ Việt xa xứ.

Và, duyên hội thì việc thành, trải qua một thời gian (vài năm) sau đó, đã có rất nhiều sự thay đổi, biến chuyển và đặc biệt đó chính là sự phát triển của dòng chảy Phật giáo Việt Nam tại Nhật Bản, một dòng chảy đang mang trong mình nguồn năng lượng nội

hàm vô cùng to lớn và tuôn trào một cách mạnh mẽ. Dòng chảy đó, như một dòng suối mát, tưới tắm những hạt giống Bồ đề đã có sẵn trong tâm trí của những người con Việt Nam. Để rồi cho đến hôm nay, những hạt giống Bồ đề đó, dưới sự dẫn dắt của Như Lai Thích tử (quý Thầy Cô), đã vươn mình đón nhận ánh sáng trí tuệ và hơi ấm từ bi của đức Phật, trở thành những cây đại thụ, những đại hộ pháp hộ trì cho Phật giáo được hoàng truyền.

Như cây có cội, như nước có nguồn. Dòng chảy lịch sử của Phật giáo Việt Nam tại Nhật Bản cũng có nguồn khởi đầu của nó. Mà sự xuất phát đó, như tôi được biết, xa xưa thì có ngài Phật Triết đã tham dự lễ điểm nhãn cho tượng Đại Phật ở chùa Đông Đại-Nara và Ngài đã dạy lại điệu múa Champa cho người Nhật, điệu múa ấy vẫn được duy trì và biểu diễn cho đến ngày nay. Gần hơn nữa thì có nhiều vị tu sĩ Việt Nam đã sang Nhật du học và làm việc từ trước những năm 1975, tiếp nối sau đó là thế hệ của các vị tu sĩ đang du học và hoằng pháp hiện nay. Cả vùng Kanto, Kansai và những vùng lân cận đều có những vị tu sĩ Phật giáo Việt Nam đang âm thầm dẫn thân phụng sự cho cộng đồng và hoằng truyền Phật Pháp. Họ đã không ngại khó khăn để kiến tạo cho cộng đồng người Việt những ngôi tự viện mang đậm nét văn hóa truyền thống của Việt Nam. Những ngôi tự viện ấy, vừa là mái nhà tâm linh vừa là nơi lưu giữ những tinh hoa, tinh thần của một dân tộc. Như lời của ông cha ta hay nói: "Mái chùa che chở hồn dân tộc, nếp sống muôn đời của tổ tông". Thật

vậy, hằng năm ngoài những dịp lễ chính của Phật giáo, quý Thầy Cô còn tổ chức những buổi lễ giao thừa, lễ hội xuân đầu năm... nhằm giúp cho cộng đồng Việt Nam có được những phút giây đón năm mới thật ấm áp trong tinh đồng hương, tinh pháp lữ. Thật xúc động biết bao, khi tôi thấy những nhánh mai vàng đang khoe sắc bên màu đỏ tươi của những phong bao lì xì. Các cô các bác đang quây quần bên bếp lửa để gói bánh chưng bánh tét, bên hiên chùa những tiếng nói rộn ràng của các cô cậu thanh niên đang trang trí cho ngày hội, đâu đó có tiếng cười của các đứa trẻ đang nô đùa. Rồi tiếng nguyện cầu qua lời kinh vang vọng, lời chúc nhau theo văn hóa cổ truyền mà ông cha ta để lại vẫn được duy trì nơi đất khách xa xôi. Để có được những phút giây như vậy, tôi biết quý Thầy Cô đã cố gắng rất nhiều cho việc kiến tạo nên một mái chùa như là mái nhà chung của cộng đồng người Việt Nam tại Nhật. Điều đó làm tôi đỡ tủi thân biết dường nào khi nhớ lại những năm đầu đón tết Việt Nam một mình, trong bốn bức tường lạnh lẽo. Thật cảm động và ấm lòng biết bao!

Tôi chợt nhớ đến lời Thầy mình dạy lúc tôi còn ở chùa rằng: "Dù con đi đâu, làm gì thì nên nhớ rằng tình Tăng thân là một sự thiêng liêng cao cả, nhờ tinh thần Lục hòa mà quý Thầy Cô tương trợ lẫn nhau trong việc tu tập cũng như việc hoằng Pháp lợi sanh."

Giọt nước từ trong khe đá
Vươn mình chảy ra xa
Về nơi lòng sông ấy
Hòa giữa biển bao la

Từ khắp nơi trên nước Nhật, quý Thầy Cô vẫn đang nỗ lực hoằng Pháp lợi sanh, giống như những dòng chảy "Pháp", tưới tắm những hạt giống Bồ đề tại những nơi mà nó đi qua. Điều đó làm tôi liên tưởng đến hình ảnh những dòng sông đang chảy ra biển lớn, những dòng sông ấy vẫn luôn là nguồn sống cho muôn loài. Và cuối cùng, dù đang mang trên mình những danh xưng đầy kiêu hãnh, nhưng khi hòa nhập vào với biển cả, dòng sông đó đã bỏ lại cái tôi của mình để hòa vào một đại thể duy nhất. Thật vậy, từ một vài năm trở lại đây, hình ảnh Phật sự của quý Thầy Cô trên mọi miền của nước Nhật đã được cộng đồng người Việt và người Nhật biết đến. Cũng giống như "Hương của các loài hoa không bay ngược chiều gió, hương của người đức hạnh ngược gió khắp tung bay", điều đó đã chứng minh rằng sự đóng góp của họ đã được mọi người công nhận và trở thành một phần không thể thiếu mỗi khi nhắc về cộng đồng Việt Nam tại đất nước mặt trời mọc này. Không những thế, tháng 8 vừa qua, lần đầu tiên tại Nhật (chùa Việt Nam-Kanagawa) quý Thầy Cô đã cùng nhau ngồi lại và tổ chức thành công tuần lễ An cư kiết hạ mang đậm bản sắc văn hóa Phật giáo Việt Nam. Đồng thời, mọi người đã cùng nhau thống nhất ý kiến về việc tổ chức Bồ tát tụng Giới theo chu kỳ mỗi quý một lần, luân phiên tại mỗi chùa được chỉ định. Với mục đích sách tấn huynh đệ cùng nhau tu tập, cùng nhau hoằng Pháp trong tinh thần của giới luật. Sự kiện An cư đó như một cột mốc quan trọng đánh dấu tinh thần

hòa hợp của chư Tăng Ni tại Nhật Bản, cũng giống như những con sông kia đang đổ về một biển lớn.

Chỉ trong khoảng thời gian 9 năm, không ngắn cũng không dài, ước mơ ngày nào của tôi cũng đang dần trở thành hiện thực. Đã có thêm nhiều tu sĩ trẻ người Việt Nam sang đây du học và làm việc, đã có thêm nhiều ngôi chùa và đạo tràng được dựng lên để hướng dẫn về tâm linh cho mọi người. Để giờ đây, tôi đang chứng kiến nhiều sự đổi mới của Phật giáo Việt Nam trên xứ sở hoa anh đào này. Những dòng chảy lớn đã và đang làm nhiệm vụ hoằng truyền chánh Pháp và vươn mình ra biển lớn. Họ đã trở thành những người thầy tâm linh luôn bên cạnh và giúp đỡ cho những người con Việt bốn ba trên xứ người. Hơn thế nữa, những dòng chảy ấy đã hóa thân thành những giọt mưa rơi xuống đất và tiếp thêm nguồn nước cho những dòng chảy mới, dòng chảy của những thế hệ trẻ, tiếp tục kế thừa và làm lợi lạc cho tha nhân.

Chỉ mong sao, ánh Đạo sẽ rạng ngời trên xứ sở, tình người vẫn đậm ấm tựa non sông! ■

QUA SÔNG

*Ngâm gió qua sông âm ào tiếng sóng
Bến bờ nào đây trong trẻo ánh trăng ngân
Bọt bèo rong rêu gõ vào vách dựng
Tiếng chuông trầm đậm thăm giữa thính không.*

*Qua sông gặp đò gặp nước gặp mây
Gặp bóng ta trôi qua kẻ hở bàn tay
Gió mùa xuân chiêm bao phố phường nắng lạ
Quán lạnh cảnh mai vàng đốm lửa bên đường.*

*Quàng ôm mây trời quàng ôm vai núi
Lau lách lao xao vòng quanh đèo dốc ạ ơi!
Lừng thừng ta về trăng phơi bông bênh dáng ngựa
Bóng ta chìm theo chim cá mù tằm.*

*Chim tiếng chuông trầm tiếng thờ dưới trăng tan
Đáy nước nào ngân nụ cười ngà ngọc
Đáy ngọc u âm vọng tiếng ho khan
Gọi chấp chới theo áng mây kỳ ảo.*

*Bao tà áo én bay dặm dài chân trời gió thổi
Hòa cùng bước chân cỏ dại sương ngời
Ngựa trúc qua sông lưng linh cánh diều trước ngõ
Nụ cười đổ đầy như là vàng trăng cũ í ới!*

Nhật Uyển Thư Cư





Shushin Ito

Pháp Nhon chuyển ngữ

“Viên” là một hình tròn viên mãn không có điểm bắt đầu, không có chỗ dứt quãng, cũng như không có điểm khiếm khuyết. Chữ “viên” cũng có nghĩa giống như sự vật phát triển một cách trôi chảy, suôn sẻ trong từ “viên cốt” hoặc Thân và Tâm phát triển hoàn toàn trong từ “viên thực”.

Ở đây, thiền giả vẽ một vòng tròn (viên tướng) để biểu thị biểu hiện chân lý của Phật pháp. Theo “Nhân Thiên Nhãn Mục”, “Viên tướng” được vẽ đầu tiên bởi Nam Dương Huệ Trung, người kế thừa Pháp của Lục Tổ Huệ Năng-Trung Quốc, sau đó từ đệ tử thị giả của ngài là Đàm Nguyên Ứng Chân truyền đến Ngưỡng Sơn Huệ Tịch, Cách truyền pháp này thường được tông Quy Ngưỡng (một trong Ngũ Gia Thất Tông - Thiền Tông, Trung Quốc) sử dụng.

Trong “Tín Tâm Minh”, tam tổ Tăng Xán nói: “hình tròn này giống như Thái dương, không thiếu, không dư” hay đồng với cảnh giới “không một vật” (vô nhất vật) biểu hiện cái không khiếm khuyết, không thêm bớt. Để cho những người học thiền hiểu được ý nghĩa chân thật của giáo lý này, trong thực tế các thiền sư thường dùng phất

trần, tích trượng, v.v... để vẽ ra nhất viên tướng này.

Tiết thứ 69 “Nhất viên tướng của Nam Tuyền” trong “Bích Nham Lục”, Có một câu chuyện kể về Nam Tuyền Phổ Nguyên, Quy Tông Tri Thường, Ma Cốc Bảo Triệt là ba người học trò kế thừa Pháp của Mã Tổ Đạo Nhất, đệ tử của tổ Huệ Năng, trên đường đi đến gặp quốc sư Trung (Nam Dương Huệ Trung) như sau.

Khi đó, Nam Tuyền vẽ một vòng tròn ở trên đất, rồi bảo rằng nếu có thể nói hình tròn này có ý nghĩa gì thì cùng đi gặp quốc sư Trung. Thế nhưng, nếu như có thể lý giải được vòng tròn này là gì thì việc đi gặp quốc sư thật sự không cần thiết. Thêm nữa, dùng vòng tròn để biểu hiện việc này chính là xem thử đối phương có bị vướng mắc vào hình tướng hay không.

Nơi mà mọi người học thiền chắc chắn muốn đạt đến chính là xa lìa tất cả những mê lầm, không có chấp trước (giác ngộ). Chính vì thế, chỗ giác ngộ này không thể biểu hiện bằng ngôn ngữ hoặc hình thể. Vẽ ra vòng tròn (viên tướng), Nam Tuyền muốn dùng ngôn ngữ tự do không ngăn ngại để biểu thị chân lý của Phật pháp. ■

Chớm Xuân

Hạt sương rơi

Chạm khẽ vào nhành lá

Đội tan

Trên cành cây khô

Chớm nụ hồng tinh khiết

Xuân sang.

Ani Chun Chun

Viết theo thể thơ Haku - Nhật Bản

春^{はる}来^きた
清^{せい}潔^{けつ}の^の花^か芽^が
枝^{えだ}の^の上^{うえ}
解^とけ^けち^ちや^やつ^つた
枝^{えだ}ふ^ふれ^れる
お^おち^ちる^る霜^{しも}





PHẬT GIÁO VIỆT NAM TẠI NHẬT BẢN

chặng đường và thử thách

Thích Nhuận Phổ

Phật giáo khởi nguồn từ Ấn Độ, dần lan tỏa khắp nơi, đến mỗi nơi Phật giáo lại nhuộm lên mình những màu sắc của văn hóa của đất nước bản địa.

Thế nhưng, không vì thế mà những giá trị tinh thần của Phật giáo bị đồng hóa khác đi, sự tiếp biến và phát triển vô cùng linh động của Phật giáo đã cắm sâu gốc rễ tâm linh, bồi đắp thêm cho những giá trị sống mới.

Qua hơn 2000 năm nay, Phật giáo đi đến đâu, nơi đó có những bước chân của Tăng Ni hoàng đạo đơm màu thoát tục. Tăng Ni đã kế thừa và lãnh hội, nhập tục và tùy biến theo lời dạy của đức Thế Tôn: "Hỡi các Tỳ kheo! Như Lai đã được giải thoát khỏi mọi ràng buộc thế gian và xuất thế gian, các ông cũng vậy... Nay các Tỳ kheo, hãy đi vì lợi lạc của nhiều người, vì hạnh phúc của số đông, vì lòng lân mẫn đối với thế gian, vì lợi lạc, vì hạnh phúc của trời và người. Các ông hãy đi, nhưng đừng đi hai người cùng

một hướng, hãy đi mỗi người một ngã, hãy truyền bá chánh pháp. Nay các Tỳ kheo, chánh pháp toàn thiện ở phần đầu, phần giữa cũng như phần cuối, cả trong ý tứ và lời văn. Hãy tuyên bố về cuộc sống toàn thiện và thanh tịnh... Chính Như Lai cũng đi, Như Lai sẽ đi về hướng Uruvela (Ưu Lô Tần Loa) ở Sanànigàma để hoàng dương giáo pháp. Hãy phát lên ngọn cờ của bậc thiện trí, hãy truyền dạy giáo pháp cao siêu, hãy mang lại sự tốt đẹp cho người khác; được vậy, là các ông đã hoàn tất nhiệm vụ" (Maha-vagga - Đại Phẩm 19, 20).

Trong những bước chân du phương đó, Phật giáo Việt Nam, với số lượng hàng ngàn Tăng Ni, đã và đang dẫn thân vì sự nghiệp hoàng pháp. Hình ảnh giải thoát ấy hiển hiện ở những nơi người con Việt đã và đang sinh sống, xây dựng cộng đồng trên những mảnh đất khách khắp năm châu nói chung và xứ sở hoa anh đào nói riêng.

Ở Nhật Bản, Phật giáo là tôn giáo

có truyền thống gắn bó với dân tộc, có ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống tinh thần và ăn sâu vào đạo đức, lối sống của người Nhật. Phật giáo du nhập vào Nhật Bản vào thế kỷ thứ VI sau công nguyên (năm 538). Đến năm 587, đạo Phật chính thức được công nhận ở Nhật Bản.

Từ những năm đầu của thập kỷ 60, những du học Tăng Việt Nam đã đến Nhật Bản cầu học và đặt nền móng Phật giáo Việt Nam trên đất nước hoa anh đào này, những viên gạch đầu tiên cho mối quan hệ hữu nghị, thân thiết giữa Phật giáo hai nước cũng được xây dựng trong thời gian này.

Sau 1975, khi lượng người Việt định cư tại Nhật tăng lên theo thời gian, với chính sách tiếp nhận mở rộng có nhiều ưu đãi của chính phủ Nhật, các Tăng Ni của Việt Nam đến Nhật Bản đông hơn với tinh thần học tập và nghiên cứu chuyên sâu. Nhờ đó, những hình thức sinh hoạt tôn giáo đã hình thành, dần dần xuất hiện thêm các đạo tràng của người Việt. Một khởi đầu mới của Phật giáo Việt Nam trên đất Nhật đang khởi sắc và đồng thời cũng thêm nhiều thử thách cho những con người mang trong mình tâm nguyện hoằng pháp.

Bằng nhiều hình thức khác nhau, thế hệ thứ nhất của người Việt đã đến Nhật định cư. Vì không được tiếp cận Phật giáo một cách bài bản, nên nhận thức về Phật giáo đối với thế hệ này có nhiều màu sắc tín ngưỡng dân gian. Cùng với cuộc sống mưu sinh vất vả nơi đất khách, thái độ của họ khi tiếp xúc với Phật giáo càng trở nên phiến diện và tiêu cực. Không những thế, việc hướng dẫn giáo lý cho thế hệ con

cháu tiếp theo được sinh ra ở Nhật cũng trở nên khó khăn (nếu không muốn nói là bất lực) bởi vì quan niệm giáo dục bản địa và cách trở bởi ngôn ngữ truyền đạt. Hiện thực cho thấy, thế hệ trẻ được sinh ra và lớn lên ở Nhật trong những thời gian trước đây hầu như không có ấn tượng lắm về tín ngưỡng Phật giáo Việt Nam. Chút tâm tùy niệm đã suy yếu, nay lại còn bị giảm thiểu trong chính những gia đình người Việt, những dịp quan trọng của gia đình như báo hỷ, thôi nôi đều diễn ra tại nhà thờ của Nhật cho mượn. Vô hình chung, người Việt trên đất Nhật chịu sự ảnh hưởng cộng gộp của Phật giáo Nhật khi chỉ có đám tang mới cần sự hiện diện của Tăng Ni.

Trong bầu không khí đó, sự ra đời của các tự viện Việt Nam là dấu hiệu khởi sắc của Phật giáo Việt Nam trên xứ sở anh đào này. Những giáo lý sống của đức Phật cần được truyền đạt bởi những thế hệ Tăng Ni nhiệt huyết, tận tâm đã có những bước khởi động đầu tiên. Những cái tên trải dài từ vùng Kanto đến vùng Kansai như chùa Nam Hòa, chùa Việt Nam, chùa Đại Ân, chùa Phước Huệ, chùa Hòa Lạc, chùa Đại Nam, chùa Phước Viên,... lần lượt được dựng lên và đi vào hoạt động, đã đáp ứng phần nào nhu cầu sinh hoạt tâm linh, đời sống tinh thần của phần đông Phật tử. Những tà áo lam nghiêm trang trong mỗi thời kinh, các ban hộ tự lần lượt giúp đỡ quý tự viện về mặt quản lý, cũng như điều chỉnh lịch sinh hoạt phù hợp, để những Phật tử định cư cũng như một số lượng lớn các bạn trẻ, tu nghiệp sinh, du học sinh, kỹ sư, có thể cùng nhau

sinh hoạt. Bên cạnh đó, các buổi lễ lớn cũng thu hút sự quan tâm những báo đài địa phương.

Điểm nhấn đầu tiên là chùa Nam Hoà, ngôi chùa được chính phủ Nhật công nhận đầy đủ tính pháp lý hoạt động tôn giáo pháp nhân. Tiếp đến, Hội Phật tử Việt Nam tại Nhật Bản ra đời, là cầu nối giúp đỡ cho cộng đồng Phật tử Việt Nam đang sinh sống và du học tại Nhật bản. Từ những hội tụ tinh hoa đó, điểm vàng son mang dấu ấn lịch sử chính là mùa An cư đầu tiên được tổ chức tại chùa Việt Nam tỉnh Kanagawa đã thành tựu viên mãn với sự tham gia của chư tôn đức đến từ Đức, Mỹ, Úc... cũng như Tăng Ni đang du học hoặc đang hành đạo tại Nhật Bản. Đây là thời điểm đã đánh dấu mốc son cho một nền Phật giáo Việt Nam bắt đầu vươn mình, tiếp tục sự truyền đăng tục diệm. Có An cư Kiết hạ mới nhận diện ra thực thể của Tăng đoàn hoà hợp. Sức mạnh của Tăng đoàn luôn là một động lực mạnh mẽ khiến sự trường tồn của Phật giáo luôn được hưng thịnh.


Mặc dù những phát khởi ban đầu vẫn còn đơn sơ, tuy nhiên tất cả đều thể hiện được một tinh thần lạc hòa, mong muốn xây dựng một đoàn thể Tăng Ni tu tập và làm việc trên tinh thần giới luật. Phật giáo Việt Nam tại Nhật Bản đang phải đương đầu với những chủ kiến truyền thống. Bởi vì bị cho là một tôn giáo ngoại lai không nhất tông, không chính phái, khó có thể được công nhận. Những hình thức sinh hoạt nhỏ lẻ không tạo được tiếng nói liên kết mạnh mẽ, những hoạt động cá nhân tuy đã có dấu ấn nhất định nhưng cũng chưa thể gây nên

sức ảnh hưởng rộng rãi.

Thời điểm công nghệ 4.0 vượt bậc đang lan tỏa mạnh mẽ trong đời sống, chi phối nhiều đến khả năng tự làm chủ. Công nghệ càng hiện đại càng khiến cho nhiều người bị lệ thuộc và bị cô lập với xã hội hiện thực. Chính những năng lượng từ tâm thông qua việc thực tập, nghiên cứu, cũng như khả năng hiến tặng của Tăng đoàn mới có thể đem đến một niềm tin bất diệt về lòng từ bi, sự bác ái. Và cũng chỉ có một Tăng đoàn vững vàng mới có thể cùng nhau xây dựng một Phật giáo Việt Nam mang đậm nét truyền thống, nhân hậu, chan hòa và chở che.

Mái chùa cong vút, thoảng nhẹ trăm hương bay sớm chiều cùng tiếng chuông đại hùng vang vọng như mong muốn thật khó được vẹn toàn nơi xứ người, nhưng Tam bảo uy nghiêm với Phật bảo hiền hậu đoan nghi, Pháp bảo trầm ấm vang vọng, Tăng bảo chủ trì oai nghi tế hạnh, tứ chúng đồng tu, xung long chánh pháp, cùng bên nhau bước đi những bước đi vững vàng, xây dựng tiếp nối con đường mà chư tổ đã tương truyền cho hàng hậu bối. Dù ở đâu, nơi nào, hạt giống Bồ đề cần sự tưới tắm, thì nơi đó bước chân hoàng đạo chưa dừng lại, tâm tận hiến cho một Phật giáo ứng dụng thiết thực, truyền lưu những giá trị của bình an, hạnh phúc.

Dẫu có những khó khăn hơn thế nữa, chỉ cần niềm tin còn ngự trị, nụ cười còn tỏa rạng những thương yêu, thì con đường mà Phật giáo Việt Nam trên đất Nhật sẽ từ những bước chân hiền hậu mà sinh sôi, nảy mầm những hoa cảnh tuệ giác giữa chốn nhân gian. ■



Định nghĩa

CHÁNH NIỆM

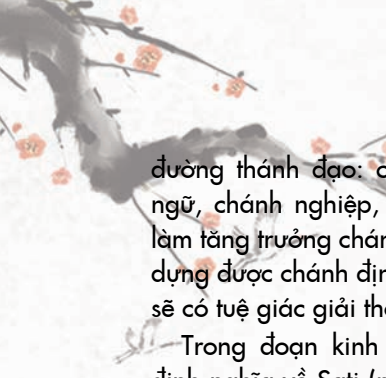
Thanissaro Bhikkhu

Châu Viên chuyển ngữ¹

Những năm gần đây, danh từ “chánh niệm” được xuất hiện tràn ngập khắp sách vở, báo chí, học thuyết, các khóa học, và nó được đề xướng hai học thuyết về sự thực tập chánh niệm (*sati*). Học thuyết thứ nhất cho rằng: đức Phật sử dụng thuật ngữ chánh niệm có nghĩa là “vô niệm” hay “không dính vào có hay không”, “sự thuần chú tâm, không pha tạp” (*bare attention*): trạng thái của sự tiếp nhận thuần khiết - không phản ứng - không phán xét - không can thiệp đối với hiện tượng vật lý và trạng thái của tâm khi chúng tiếp xúc với sáu giác quan (thức là giác quan thứ sáu). Lý thuyết thứ hai là sự nuôi dưỡng trạng thái vô niệm đó sẽ mang lại mục đích hành trì tâm linh Phật giáo: đó là tự do khỏi khổ đau và căng thẳng. Hai học thuyết này đã được trở thành phương thức giải thích tiêu chuẩn về khái niệm chánh niệm là gì và cách thiết lập để phát triển tốt nhất cho mọi người, thậm chí họ không phải là tín đồ Phật giáo.

Tuy nhiên, nhìn vào ánh tuệ giác qua những lời dạy của Đức Phật trong kinh điển Pali, hai lý thuyết này sẽ đưa đến một sự hiểu nhầm nghiêm trọng về khái niệm chánh niệm trong đạo Phật. Điểm tốt nhất, họ trình bày một phần nhỏ của con đường như là giáo lý toàn bộ của sự thực tập; điều tệ nhất là họ đánh mất niềm tin vào các phương pháp thực tập và trình bày sai những gì thực sự là hương vị giải thoát.

Thực tập chánh niệm hiệu quả nhất khi ta hiểu biết đúng đắn về định nghĩa và giải thích của đức Phật trên con đường thực tập này. Ngài giải thích chánh niệm (*sammā-sati*) không phải là vô niệm hoặc sự chú tâm không pha tạp. Thay vì nó là năng lực tích cực hoạt động của bộ nhớ, chuyên nghiệp trong việc kêu gọi tâm thức - nhận diện những lời dạy và ý định để vận hành cho những hành động hiện tại của bạn. Chánh niệm đóng vai trò quan trọng, giúp chánh kiến nhận diện rõ về bản chất của khổ đau và chủ động kết nối mật thiết đến các yếu tố khác của con



đường thánh đạo: chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, và chánh mạng, và làm tăng trưởng chánh định². Sau khi xây dựng được chánh định thì lúc đó chúng ta sẽ có tuệ giác giải thoát.

Trong đoạn kinh tiếp theo, đức Phật định nghĩa về Sati (niệm) như là một khả năng nhận diện tỉnh thức, đồng thời nó đóng vai trò chức năng trong việc thực tập thiền tứ niệm xứ, hay là nền tảng của niệm: *"Và này các Tỷ-kheo, thế nào là niệm căn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử chánh niệm, thành tựu niệm tuệ, tối thắng, ức niệm, tùy niệm các việc làm từ lâu, và lời nói từ lâu. Vị ấy trú, quán thân trên thân... quán thọ trên các cảm thọ... quán tâm trên tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là niệm căn"*³.

Khi thảo luận về chiều sâu rộng của thiền tứ niệm xứ (*satipaṭṭhāna*)⁴ thường bắt đầu bằng cách hướng dẫn về quán niệm hơi thở. Nhưng, trong công thức của Tứ niệm xứ cho thấy rằng, chánh niệm không phải là đặc tính duy nhất bạn cần để mang đến hơi thở. Mà bạn cần phải tinh giác và tinh tấn.

Từ Pali "*sampajañña*" có nghĩa là sự tỉnh giác (sự tỉnh thức), cũng là một thuật ngữ khác hay bị hiểu lầm. Nó không có nghĩa nhận thức thụ động về hiện tại hay hiểu về hiện tại một cách thụ động như mọi người thường hay định nghĩa. Trong kinh điển thường cho thấy rằng: sự tỉnh giác (*sampajañña*) có nghĩa là sự ý thức những gì bạn hành động (nghiệp), trong tất cả hoạt động về thân và tâm. Xét cho cùng, nếu như bạn muốn hiểu rõ những những nguyên nhân khổ đau bên trong, bạn phải ý thức rằng bạn đang thực sự có mặt với những gì đang làm trong giây phút hiện tại. Nếu như bạn chỉ đơn giản nhận thức một bài học từ quá khứ, rộng hơn nữa là tiếp nhận tất cả mọi thứ xảy ra trong hiện

tại, bạn sẽ không nhìn thấy được nguyên nhân và kết quả của hành động. Đó là lý do tại sao chánh niệm phải đi song hành với sự tỉnh thức trong lúc thiền định.

Tinh tấn (*ātappa*) có nghĩa là chuyên chú vào những gì bạn đang làm, cố gắng làm cho nó được thiện xảo. Điều này không có nghĩa là bạn giữ trạng thái căng thẳng và kiệt sức mọi lúc mọi nơi, bạn chỉ kiên trì phát triển những thiện pháp và từ bỏ những thứ gì bất thiện pháp. Trên thực tế, đó là vai trò của chánh tinh tấn, một trong yếu tố quan trọng của bát chánh đạo mà nó đứng liền trước chánh niệm. Chánh niệm nuôi dưỡng những nỗ lực bằng cách nhận diện những gì là thiện và bất thiện, đồng thời nhắc nhở bạn tiếp tục duy trì những thiện pháp một cách khéo léo.

Chánh niệm, tinh giác và tinh tấn là kim chỉ nam của đức Thế Tôn hay còn gọi là như lý tác ý (*yoniso manasikāra*). Chú ý: đó là chú ý thích hợp chứ không phải chú ý thông thường. Không có sự chú tâm nào là đơn thuần. Đức Phật khám phá ra rằng: cách mà bạn chú ý đến cảm thọ của giác quan sẽ quyết định quan điểm về những gì bạn cho là quan trọng; những câu hỏi bạn mang đến cho mỗi trải nghiệm, những vấn đề mà bạn mong muốn giải quyết. Nếu như trong cuộc sống không có sự khó khăn nào hết, bạn có thể tự mở cho mình bất cứ lựa chọn nào có thể đi đến cùng. Nhưng sự thật là có một vấn đề lớn nằm ngay giữa mỗi việc mình làm, đó là: cái khổ đến từ việc hành động trong vô minh, nguyên nhân là gì và con đường đưa đến chấm dứt khổ đau. Đây là lý do tại sao đức Phật không bảo mình hãy nhìn mỗi phút giây bằng con mắt của một người mới bước vào đời. Bạn phải luôn đặt trong tâm vấn đề của khổ, tiếp tục truy tìm nguyên nhân của nó và đưa ra những hướng giải quyết đúng cho vấn đề cần tháo gỡ.

Mặt khác, không như lý tác ý (để tâm vào việc không đáng để tâm) sẽ bị cản trở,

tập trung và những câu hỏi như "Tôi là ai?" "Tôi có cái ngã không?"- những câu hỏi này liên quan đến hiện hữu và bản ngã. Đức Phật nói rằng: những câu hỏi đó sẽ dẫn bạn vào rừng rậm của kiến thủ (quan niệm) và làm mình vướng vào gai nhọn⁵. Những câu hỏi đưa đến tự do tập trung ở sự hiểu biết về khổ, sự buông bỏ nhân khổ và thực tập con đường đưa đến chấm dứt khổ đau. Mong muốn của bạn để trả lời những câu hỏi này là thứ khiến bạn tỉnh thức với những hành động qua thân, khẩu, ý và điều đó khiến mình nhiệt tâm làm các nghiệp ấy một cách đúng nghĩa.

Chính vì vậy, chánh niệm là yếu tố giúp chúng ta luôn nhớ đến như lý tác ý. Nghiên cứu của ngành tâm lý học hiện đại đã cho thấy rằng: sự chú tâm (tác ý) không xảy ra một cách liên tục mà xảy ra trong những khoảnh khắc rời rạc. Bạn có thể chú tâm đến điều gì đó trong một khoảng thời gian rất ngắn và một lúc sau bạn phải tự nhắc mình để quay lại nếu như bạn muốn tiếp tục chú ý đến nó. Nói cách khác, sự chú tâm liên tục là cách mà bạn có thể kết nối giữa nguyên nhân và kết quả đã được khâu lại với nhau trong một thời gian ngắn. Đây là những gì cần thiết của chánh niệm. Chánh niệm giúp mình duy trì đối tượng của sự chú ý, và mục đích của sự chú ý trong tâm.

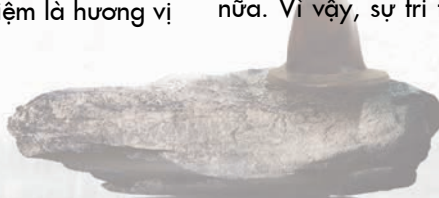
Đây là lí do tại sao sự hiểu biết chính xác về chánh niệm và vai trò trên con đường đạt được tuệ giác không cho những học giả có tính soi mói và tranh cãi mơ hồ. Điều đó tác động thực sự đến quá trình hành trì của bạn. Nếu không thể nhận diện sự khác biệt giữa những chất liệu mà bạn mang đến cho sự thực hành của mình, chúng sẽ pha trộn lẫn nhau và bạn trở nên khó khăn để có cái nhìn sâu sắc thực sự bên trong.

Ví dụ như, một trong định nghĩa phổ biến của chánh niệm là "giác ngộ", và mỗi khoảnh khắc của chánh niệm là hương vị

tạm thời của giác ngộ. Nhưng chánh niệm là pháp hữu vi mà không phải là niết bàn. Ngộ nhận rằng một trong yếu tố đưa đến con đường giác ngộ là thức tỉnh chính tự thân nó, điều đó giống như chúng ta đi giữa đường và chìm vào giấc ngủ ngay tại đó. Bạn không bao giờ có thể đi hết đoạn đường, và trong lúc đó bạn sẽ chạy qua con đường của sanh, già, bệnh, chết.

Đồng thời, những định nghĩa khác có lẽ tránh được những sai lầm cho rằng chánh niệm là giác ngộ, nhưng họ nhầm lẫn nó với tính chất mà thỉnh thoảng có và thỉnh thoảng không có ích trên con đường hành trì. Ví dụ, chánh niệm đôi khi được xem là sự chú tâm của tình thương hoặc chú tâm của lòng từ bi, nhưng tình thương và lòng từ bi không đồng nghĩa với chánh niệm. Chúng là thực thể riêng biệt. Nếu như mang chúng vào thiền tập của bạn, hiểu rằng chúng đang hoạt động ngoài chánh niệm, vì kỹ năng trong thiền tập đòi hỏi nhìn thấy được chất liệu như từ bi và thiết thực, nhưng trên thực tế thì không. Đức Phật dạy rằng: hầu hết những trải nghiệm trong cuộc sống của chúng ta, ái là nguyên nhân gây ra khổ đau, vì vậy bạn phải ý thức được điều đó.

Có khi, chánh niệm được định nghĩa là trân quý giây phút hiện tại với những niềm vui nhỏ có được trong giây phút ấy: vị ngọt của một trái nho khô, cảm nhận một tách trà ấm trên tay. Trong lời dạy của đức Phật, sự đánh giá (trân quý) này được gọi là "tri túc" - bằng lòng với những gì mình có. Tri túc có ích khi ta gặp nhiều nghịch cảnh trái ngang trong cuộc sống, nhưng nó không luôn luôn hữu ích trong việc tôi luyện tâm thức. Trên thực tế, đức Phật tiết lộ rằng sự giác ngộ của ngài không cho phép bất cứ sự hài lòng nào để chúng đắc giác ngộ⁶. Ngài tinh tấn đạt đến trạng thái cao nhất của sự giải thoát mà nơi đó không còn chỗ nào để cao hơn nữa. Vì vậy, sự tri túc chỉ giới hạn trong



không gian và thời gian. Nếu như chúng ta không bị nhầm lẫn giữa chánh niệm với tri túc, có thể giúp giữ sự thật này trong tâm thức.

Một định nghĩa khá phổ biến khác về chánh niệm là không phản ứng hoặc chấp nhận hoàn toàn. Nếu bạn tìm kiếm những thuật ngữ này trong ngôn ngữ của đức Phật, từ gần nhất bạn sẽ thấy là buông xả (equanimity) và kiên nhẫn (patient). Buông xả có nghĩa là để những sở thích của bạn một bên và chấp nhận những gì bạn không thể thay đổi. Kiên nhẫn là khả năng làm với một thứ gì đó dù bạn không thích, kiên trì với những tình huống khó khăn thậm chí nó không được giải quyết một cách nhanh chóng như bạn mong muốn. Nhưng khi có chánh niệm vững vàng đối với những điều không vừa ý, không những bạn chấp nhận nó một cách dễ dàng mà còn quan sát và hiểu rõ chúng. Khi mà bạn đã hiểu rõ bản chất của vấn đề, như sân hận và tham ái có nguy hại cho tâm thức, mình không thể kiên nhẫn hay nhẫn nại với chúng. Bạn cần phải nỗ lực hết mình để tháo gỡ chúng và nuôi dưỡng những thiện pháp bằng cách mang đến những yếu tố khác của con đường thực tập: chánh tư duy và chánh tinh tấn.

Xét cho cùng, chánh niệm là một phần của con đường tâm linh lớn được vạch ra bởi như lý tác ý. Bạn phải luôn nhớ đem tám bản đồ lớn này quy chiếu cho những gì mình làm. Ví dụ, bạn cố gắng duy trì hơi thở chánh niệm trong tâm, vì bạn thấy được sự tập trung như là một yếu tố quan trọng của con đường thánh đạo, là một thứ bạn cần phải phát triển chánh niệm về hơi thở cũng là một phương tiện tốt để tu tập định. Hơi thở là điểm tựa vững chãi, giúp chúng ta có thể quan sát những gì xảy ra trong tâm, để nhận diện những phẩm chất nào nơi tâm đang mang đến những kết quả tốt và phẩm chất nào không.

Thiền sử dụng rất nhiều pháp hành, và bạn phải cho thấy rõ được những pháp hành đó là gì, chúng khác nhau chỗ nào và nó đóng vai trò gì trong việc hành trì. Bằng cách đó, bạn có thể xác định những gì thiếu để có thể nuôi dưỡng khi tâm chúng ta bị mất quân bình. Khi cảm thấy khó chịu và bối rối, hãy thử đem vào đó một chút mềm mỏng làm cho tâm an lành và biết đủ; khi có tâm hành lười biếng, hãy nghĩ về sự hiểm nguy của sự vụng về và tự mãn. Điều đó không phải là chúng ta chỉ chú trọng việc tích tập chánh niệm ngày càng nhiều mà cũng cần phải nuôi dưỡng thêm nhiều giá trị thực hành tâm linh khác. Căn bản đầu tiên là bạn có đủ chánh niệm để duy trì và theo dõi các pháp sanh khởi trong thiền tập của bạn mọi lúc mọi nơi. Sau đó, bạn cố gắng duy trì sự tỉnh giác để thấy các giá trị tâm linh thông qua sự tinh tấn hành trì.

Quá trình này giống như nấu ăn. Khi bạn không thích mùi vị của món canh bạn nấu, bạn không mắc kẹt với sự lựa chọn duy nhất là thêm muối. Bạn có thể thêm hành, tỏi, lá hành tây, bất cứ thứ gì bạn cảm thấy cần thiết. Bạn nên nhớ rằng: bạn phải nắm rõ được hết nguyên lý của từng gia vị, và trên mỗi lọ gia vị bạn nên dán nhãn hiệu rõ ràng. Nếu như trên đó tất cả nhãn hiệu là "muối" bạn không cần phải biết loại "muối" nào cần sử dụng.

Và bạn nhớ rằng nấu ăn là có mục đích. Chánh niệm là con đường đưa đến chánh định. Chúng ta thường cho rằng: niệm và định là hai pháp khác nhau của thiền, hay thậm chí cho rằng đó là hai phương pháp của tỉnh giác, nhưng đức Phật chưa bao giờ vạch ra ranh giới giữa niệm và định. Trong lời dạy của ngài, niệm và định là tương tức lẫn nhau (interwoven): niệm là sắc thái của định và ngược lại định là nền tảng cơ bản để duy trì chánh niệm tốt hơn. Tứ niệm xứ là đề mục của định, và mức độ cao nhất của định là nơi chánh niệm trở nên thuần khiết.

Ngài Ajaan Lee⁷, là vị thầy của thầy tôi, hướng dẫn rằng: chánh niệm kết hợp với tinh tấn cho phát sinh ra định chi gọi là tầm (vitakka) hoặc tư duy, nơi mà hướng tâm về đối tượng, như là hơi thở. Tỉnh giác kết hợp với tinh tấn cho ra một định căn khác gọi là Tứ (*vicāra*, là bám chặt tâm trên đối tượng hơi thở). Ta quan sát những gì xảy ra với hơi thở của mình, nó có dễ chịu không? Nếu có hãy tiếp tục làm, nếu không hãy làm gì để cải thiện tình trạng đó. Hãy thử làm cho hơi thở dài hơi một chút, ngắn hơn một chút, sâu hơn, cạn hơn, nhanh hơn, chậm hơn. Và theo dõi những gì đang xảy ra. Khi bạn tìm ra phương pháp thở giúp nuôi dưỡng sự tươi mát và trọn vẹn, bạn có thể đưa sự tươi mát đi khắp tế bào để nuôi cơ thể. Học cách thiết lập hơi thở như thức ăn dinh dưỡng để nuôi sống khắp thân thể. Khi cảm giác cơ thể được làm mới, tâm của bạn có thể dễ dàng sống ngay trong giây phút hiện tại.

Có khi bạn nảy sinh ý nghĩ rằng: không nên cố uốn nắn hơi thở, bạn chỉ đón nhận nó như cách nó đến. Nhưng thiền không phải quá trình thụ động trong việc phán xét thực tại với các pháp sanh khởi và không được điều chỉnh tất cả vấn đề gì. Chánh niệm thường xuyên nhắc nhở chúng ta an trú vào hơi thở trong giây phút hiện tại, nhưng nó cũng nhắc chúng ta nhận diện con đường tâm linh để chuyển hóa, làm tăng trưởng những kết quả tốt trong tương lai và thực tập hơi thở giúp chúng ta thiết lập tâm chánh niệm tỉnh giác thành một phần thiện xảo trên con đường đó.

Đây là lý do tại sao sự quan sát đánh giá là cách tốt nhất để tăng niềm hỷ lạc trong hơi thở, đó là thiết yếu của việc thực tập. Nói cách khác, bạn không cần phải từ bỏ khả năng phán xét của mình khi tu tập chánh niệm. Thay vào đó, bạn huấn luyện tâm trở nên ít phán xét và tinh tế hơn để mang lại kết quả thiết thực.

Khi hơn thở trở nên tươi mát và thực

sự lưu chuyển khắp cơ thể, bạn có thể bỏ đi những đánh giá và đơn giản chỉ là một với hơi thở. Trạng thái này được gọi là “vạn pháp quy nhất” (oneness) thỉnh thoảng cũng gọi là “chánh niệm”. Theo nghĩa đen: chánh niệm có nghĩa là trạng thái hợp nhất có mặt xuyên suốt và tỉnh thức trong từng giây phút một. Bạn đang có mặt trong những việc mà bạn tập trung vào, tại thời điểm mà bạn đang làm. Ở đó hoàn toàn không có sự riêng biệt giữa “Bạn” và tất cả hay là không có chủ thể nào. Đây là loại chánh niệm rất dễ nhầm lẫn với sự giác ngộ, bởi vì nó có vẻ như giải thoát, nhưng trong ngôn ngữ của đức Thế tôn gọi đó không phải là chánh niệm hoặc giác ngộ. Ngài gọi đó bởi thuật ngữ: “tâm thuần nhất” hay “tỉnh nhất tâm” (*cetaso ekodibhāva*). Trong chín tầng thiên giải thoát, hiện tượng này xuất hiện trong tầng thiên thứ hai, từ tầng thiên thứ hai đến tầng thiên thứ sáu là thức vô biên xứ. Hiện tượng “tâm thuần nhất” sẽ không còn hiện hữu ở tầng thiên thứ bảy (vô sở hữu xứ), khi đó tâm thức sẽ bỏ vạn pháp quy nhất để đạt đến tánh không. Vì vậy vạn pháp quy nhất thậm chí không phải là tầng thiên cuối cùng để đạt đến giải thoát giác ngộ.

Điều này có nghĩa rằng vẫn còn nhiều việc phải làm hơn nữa khi tu tập chánh niệm, và nó không thể thiếu hai yếu tố tỉnh giác và tinh tấn. Chánh niệm giúp chúng ta đạt đến cảm thọ hỷ lạc như thế nào của trạng thái nhất tâm này dù mâu nhiệm dù tuyệt vời đến đâu, bạn vẫn chưa giải quyết xong vấn đề khổ. Cố gắng tỉnh giác khi tâm ta đang trú trong trạng thái của sự nhất tâm đó. Những nỗ lực để duy trì cảm thọ của trạng thái nhất tâm đang diễn ra và mức độ vi tế của phiền não mà những chọn lựa đó đang gây ra - trong khi chánh tinh tấn nỗ lực tìm kiếm con đường chấm dứt những khổ đau đó.

Vậy thì ngay cảm giác bất nhị này cũng là một phương tiện để đưa một chỗ

cao hơn. Bạn đưa cái tâm của mình đến với trạng thái vững chắc của tâm nhất như để loại đi những thói quen huân tập kinh nghiệm về cái tôi, và của tôi, nhưng bạn đừng nên chỉ dừng tại đó. Sau đó ta tiếp tục soi chiếu trạng thái nhất tâm mọi yếu tố của con đường thực tập.

Đó là hoạt động căn bản nằm nằm ở phía dưới tâm nhất như trở nên khác biệt rõ ràng. Ngài Ajaan Lee sử dụng hình của kim loại nằm ở trong quặng đá. Ở trong trạng thái của tâm nhất như thật giống như thỏa mãn với kiến thức rằng: thiết, bạc và vàng nằm trong đá của bạn. Nếu như bạn dừng lại ở đó, bạn sẽ không bao giờ nhận được kim loại nào để sử dụng. Nhưng nếu như bạn nung đá đến điểm nóng chảy khác nhau, các kim loại đó sẽ tự tách ra. Chỉ khi đó bạn mới có thể hưởng lợi từ chúng.

Giác ngộ bên trong phải đến từ thử nghiệm và trải nghiệm, đó là cách chúng ta học về sự hình thành thế giới. Nếu như chúng ta không phải loài năng động, chúng ta sẽ không hiểu gì về thứ giới này. Mọi thứ sẽ trôi qua từng ngày và chúng ta không biết được mối liên kết như thế nào bởi vì chúng ta không có cách nào tác động đến mọi hiện tượng để thấy kết quả từ những thay đổi nguyên nhân nào. Bởi vì chúng ta hành động trong thế giới mà chúng ta có thể hiểu nó.

Điều này cũng giống với tâm thức của chúng ta. Bạn không có thể chỉ ngồi đó để hy vọng vào một pháp: chánh niệm, tri túc, tâm hợp nhất, buông xả v.v... sẽ vận hành mọi hành động. Nếu như bạn muốn học về tiềm năng của tâm thức, bạn phải thực thực hành bốn nền tảng của niệm: quán thân, thọ, tâm và pháp. Sau đó bạn mới nhận diện được nguyên nhân và kết quả của khổ đau.

Nhưng hiểu rõ được nhân quả đòi hỏi tất cả năng lực tuệ giác của bạn. Điều này

không có nghĩa là sự thông tuệ từ sách vở. Nó có nghĩa là khả năng nhận chân được những gì bạn đang làm để thấy được kết quả sau đó, và tìm ra phương tiện khéo léo để thiết lập con đường ít đau khổ và căng thẳng: đó là con đường tuệ giác của Phật. Chánh niệm cho phép bạn nhận diện những vấn đề, truy tìm nguyên nhân cho đến cho bạn thấy được kết quả của hành động.

Nhưng chỉ có một mình chánh niệm không thể làm hết mọi công việc. Bạn không thể cải thiện món canh chỉ đơn giản là bỏ thêm nhiều tiêu vào nó. Bạn thêm những thành phần khác như chúng cần. Đó là lý do tại sao không nên chuyển tải từ chánh niệm quá nhiều nghĩa và gán cho nó nhiều chức năng. Mặc khác, bạn không thể thấu hiểu rõ ràng tính chất hữu ích của tri túc và khi nào nó không, khi cần mang mọi thứ đến trạng thái nhất thể và khi bạn cần phải tách rời mọi thứ.

Vì vậy nên để nhãn hiệu trên từng lọ gia vị của bạn và học cách thực tập loại nào là tốt cho mục đích của bạn. Chỉ như vậy, bạn mới có thể làm phát triển khả năng của bạn như người đầu bếp. ■

Chú thích:

1. Mindfulness Defined. Nguồn: www.dharmatalks.org.
2. Kinh Trung bộ (MN 117), HT. Thích Minh Châu dịch, kinh Đại Kinh Bốn Mươi.
3. Kinh Tương Ưng Bộ (SN 48:10), HT. Thích Minh Châu dịch, chương IV, phẩm Thanh Tịnh.
4. Kinh Trường Bộ (DN 22), HT. Thích Minh Châu dịch, kinh Đại Niệm Xứ.
5. Kinh Trung Bộ (MN 02), HT. Thích Minh Châu dịch, kinh Tất Cả Lưu Hoặc.
6. Kinh Tăng chi bộ (AN 2:5), HT. Thích Minh Châu dịch, chương II, phẩm Hội Chúng.
7. Phra Ajaan Lee Dhammadharo (1907-1961) là một trong những vị tỷ kheo theo truyền thống tu khổ hạnh trong rừng của Thái Lan bậc nhất. Cuộc đời ngài ngắn ngủi nhưng đầy biến động. Nổi tiếng là vị thầy đạo hạnh, và ngài là người đầu tiên đã đem truyền thống tu khổ hạnh ra khỏi những cánh rừng thuộc lưu vực sông Mê-kông, để hòa nhập vào xã hội hiện đại ở ngay trung tâm Thái Lan.

HỒN VIỆT

trên xứ phù tang

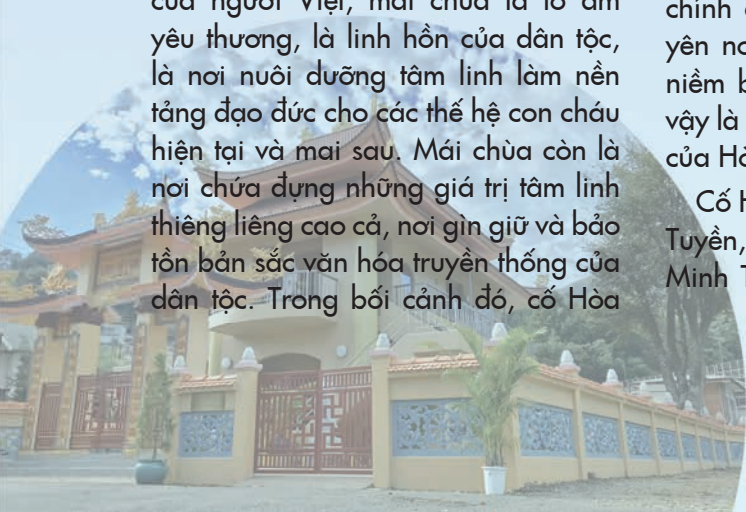
Nhuận Ân

Đất nước Việt Nam đã trải qua bao thăng trầm của lịch sử. Trong những hoàn cảnh ấy, nhiều người dân Việt Nam đã rời xa quê hương, nơi chôn nhau cắt rốn với mong muốn tìm được một miền đất an lành để có thể an cư lập nghiệp. Trong số ấy, đã có rất nhiều người đến Nhật. Khi cuộc sống đã được ổn định, hơn bao giờ hết những khát khao của người con Việt Nam lại trở dậy. Đó là niềm khao khát về một chốn tâm linh, một chỗ dựa tinh thần vững chắc. Họ nghĩ đến quê hương, đến tổ tiên ông bà cha mẹ, đến tất cả những giá trị tâm linh, đạo đức của đạo Phật. Do vậy, sự hình thành của những ngôi chùa Việt Nam trên đất nước Nhật Bản hiện tại và tương lai là một nhu cầu chính đáng và cần thiết. Bởi lẽ, trong sâu thẳm tâm hồn của người Việt, mái chùa là tổ ấm yêu thương, là linh hồn của dân tộc, là nơi nuôi dưỡng tâm linh làm nền tảng đạo đức cho các thế hệ con cháu hiện tại và mai sau. Mái chùa còn là nơi chứa đựng những giá trị tâm linh thiêng liêng cao cả, nơi gìn giữ và bảo tồn bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc. Trong bối cảnh đó, cố Hòa

thượng Thích Minh Tuyên đã kiến tạo nên Chùa Việt Nam, một trong những ngôi chùa Việt đầu tiên trên xứ Phù Tang, chuyển tải được trọn vẹn cái Hồn Việt trên mảnh đất xứ sở này.

Chùa Việt Nam tọa lạc tại 243-0307 Kanagawaken, Aikogun, Aikawamashi, Hanbara 4889-1. Cách trung tâm Tokyo chừng 60 km, chùa nằm dọc theo dòng suối Aikawa, bao quanh là những dãy núi linh thiêng và hùng vĩ. Phong cảnh nơi đây non nước thật hữu tình. Chùa được xây dựng theo lối kiến trúc thuần Việt với mái cong như rồng uốn khúc, biểu trưng cho nét đẹp văn hóa mỹ thuật kiến trúc của Phật giáo Việt Nam trên xứ Phù Tang. Ai đã một lần đến thăm Chùa Việt Nam, chắc hẳn sẽ dễ dàng cảm nhận được những nét thân quen gần gũi như đang đứng trước một ngôi chùa nơi chính quê hương Việt Nam. Sự bình yên nơi đây làm xua tan đi bao nỗi niềm bơ vơ nơi xứ người. Được như vậy là nhờ biết bao công sức khó nhọc của Hòa thượng khai sơn.

Cố Hòa thượng thế danh là Lê Minh Tuyên, pháp danh Nguyên Pháp, hiệu Minh Tuyên dòng Lâm Tế Liễu Quán



đời thứ 44, sanh ngày 8 tháng 9 năm 1938 (Mậu Dần) tại làng Bình Hội, thị trấn chợ Lầu, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận - Việt Nam. Năm 1945, khi vừa tròn 7 tuổi, Ngài theo xuất gia với Hòa thượng Thích Viên Trí. Sau 10 năm tu học dưới sự chỉ dạy của thầy mình, năm 1956, Ngài được Bổn sư gửi vào viện Phật học Hải Đức - Nha Trang, Trung Phần Việt Nam do cố Hòa thượng Trí Thủ làm Giám Viện. Năm 1962 (24 tuổi) sau khi tốt nghiệp Trung Đẳng Phật học, Ngài vào Nam để tiếp tục con đường học vấn. Năm 1970, nhân có phái đoàn đại diện Phật giáo Việt Nam qua Nhật Bản tham dự hội nghị về tôn giáo và hòa bình thế giới, Ngài đã tháp tùng cùng cố Hòa thượng Y chỉ sư Thích Trí Dũng trong phái đoàn cùng sang Nhật. Sau đó, Ngài xin ở lại để học thiền với Thiền sư Omori thuộc tông phái Tào Động (Soto) tại Tokyo. Tuy nhiên, năm 1975 miền Nam Việt Nam (Sài gòn) giải phóng, đất nước thống nhất, do những khó khăn trong vấn đề thủ tục hành chánh, Ngài không thể trở về Việt Nam được và đã xin ở lại Nhật Bản. Trong thời điểm này, rất nhiều người dân Việt Nam đến Nhật Bản. Với tinh thần từ bi của người con Phật, Ngài thường đến các trại tỵ nạn của người Việt hỏi thăm, động viên, giúp đỡ về vật chất cũng như tinh thần, nhất là vấn đề tâm linh tín ngưỡng. Vì vậy mà Ngài được rất nhiều người Việt biết đến và thương mến.

Trong suốt thời gian dài hoàng pháp tại Nhật, do chưa có chùa nên Ngài thường mượn chùa của người

Nhật để tổ chức những buổi lễ quan trọng như Tết, Phật Đản, Vu Lan cho cộng đồng Phật tử Việt Nam đang sinh sống tại Nhật Bản. Năm 1997, Ngài phát nguyện mua đất lập chùa. Cũng trong năm đó, Ngài đã đến Mỹ để vận động tịnh tài từ Tăng Ni và Phật tử, những vị đã từng du học, cũng như những Phật tử mà Ngài biết đến hoặc đã được Ngài giúp đỡ trong thời gian tỵ nạn ở Nhật Bản. Cảm phục trước đại nguyện của Ngài nên mọi người đều hoan hỷ hỗ trợ dù ít dù nhiều trong tinh thần tình pháp lữ. Nhờ hồng ân Tam bảo gia hộ, Ngài đã vận động đủ số tịnh tài để có thể mua lại căn nhà của một gia đình người Nhật tại Kanagawaken, Aikawamachi, Hanbara. Sau khi mua xong, Ngài đã sửa chữa và thiết trí thành lại một ngôi chùa được đặt tên là chùa Việt Nam. Kể từ đó, cộng đồng Phật tử Việt Nam đã bắt đầu có được một ngôi chùa của người Việt Nam. Sau một thời gian dài sinh hoạt, số lượng Phật tử Việt Nam về tu học ngày càng đông. Với lòng từ bi rộng lớn, một lần nữa Ngài lại phát thêm nguyện tiến hành động thổ và lên kế hoạch kiến tạo ngôi chùa bằng chất liệu bê tông kiên cố và khang trang hơn.

Vì nguyện lớn gắng thành, năm 1998 Ngài tiếp tục đi Mỹ, năm 2008 đi Châu Âu, năm 2009 đi Úc với mong muốn vận động thêm tịnh tài cho công việc kiến tạo ngôi Già lam trên đất Nhật. Tháng 10 năm 2007, nhân có phái đoàn của chư Tôn đức Tăng Ni và Phật tử từ các nước Châu Âu do



Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Minh Tuyên

Hòa thượng Thích Như Điển hướng dẫn sang Nhật để cứu trợ và giúp đỡ những nạn nhân bất hạnh trong thảm họa động đất, Ngài đã cung thỉnh chư Tôn đức về thăm và làm lễ động thổ khởi công xây dựng chùa Việt Nam. Kể từ đó, Ngài lại một lần nữa dẫn thân mình trên chặn đường đầy gian khổ. Ngài tiếp tục lặn lội khắp nơi từ Đông sang Tây, từ Âu sang Á để vận động và kêu gọi kiều bào Phật tử các nơi giúp đỡ cho công cuộc xây dựng chùa sớm hoàn thành. Dầu biết rằng, công việc xây dựng vẫn còn nhiều dang dở, thời gian hoàn thành vẫn còn xa vời ở phía trước, tuy nhiên để phương tiện cho cộng đồng Phật tử biết đến chùa và cùng về tu tập, Ngài

đã thuận theo lòng người tiến hành tổ chức lễ Khánh Thành chùa Việt Nam lần thứ nhất. Đồng thời cũng nhân sự kiện đó, Ngài đã kêu gọi mọi người đóng góp tịnh tài để có thể hoàn thành những hạng mục còn lại.

Thân tuy già, tuổi tuy lớn, nhưng đại nguyện đã khởi thì Ngài quyết nỗ lực để thành tựu. Ở tuổi 80, Ngài vẫn miệt mài chịu khó chịu khổ với chí nguyện xây dựng ngôi chùa Việt Nam trên đất nước Phù Tang. Năm 2017, công việc xây dựng chùa sắp hoàn thành, Ngài dự định sẽ tổ chức đại lễ Khánh Thành vào tháng 4 năm 2018 để đáp tạ thâm ơn Tam Bảo cũng như sự ủng hộ của Phật tử khắp nơi trên thế giới. Thế nhưng, khi ngôi chánh

điện vừa hoàn thành, những công trình còn lại cũng dần đến ngày hoàn thiện, thuận thế vô thường Ngài đã viên tịch vào sáng ngày 22 tháng 08 năm 2017. Ngôi chùa Phật giáo Việt Nam còn đó, hàng đồ chúng còn đây, nhưng từ nay cộng đồng Phật giáo Việt Nam tại Nhật Bản đã mãi vắng đi bóng dáng của Ngài.

Thật xúc động khi nghe lại giọng nói của Ngài vẫn còn vang vọng đâu đây: "Là một tu sĩ Phật giáo thì mình phải rảo bước khắp bốn phương, chỗ nào chúng sanh cần thì mình đến, Phật pháp cần thì mình đi, chẳng quản gian nguy, chẳng từ khó nhọc. Từ một biên cương Thái Bình Dương xa xôi vạn dặm mà thầy qua đến bên đây tổ chức tiệc chay gây quỹ, để thực hiện hoài bão đem đạo vào đời qua hình thức xây dựng một ngôi chùa Việt trên đất Nhật. Mình sống trên đất Nhật đã trên 40 năm mà ngôi chùa Việt Nam không có. Trong khi đó tại Nhật Bản đã đào tạo bao thế hệ Tăng tài Việt Nam, trên 20 vị du học. Sau khi tốt nghiệp, các Ngài đã đi đến các nước khác để làm đạo. Một điều đặc biệt, những vị nào đi ra từ Nhật Bản đều có chùa to Phật lớn. Trong khi đó, thầy ở lại Nhật trong hoàn cảnh rất khó khăn. Suốt 40 năm vừa tu học vừa phải đi làm, thầy luôn mong muốn làm sao ở Nhật có một ngôi chùa để hun đúc tinh thần tín ngưỡng cho bà con Phật tử, những người có niềm tin vững chắc với Tam Bảo, nên thầy phát nguyện ở lại. Mặc dầu sống trong sự thiếu thốn, trong sự tự lực cánh sinh, nhưng lý tưởng tôn thờ đức Phật, lý tưởng phụng sự đạo pháp, lý tưởng đem đạo vào đời thầy không bao giờ quên. Với 78 năm tuổi

đời, 70 tuổi đạo, thầy vẫn lê gót đi xin từng đồng để làm việc Phật sự. Thầy làm việc ấy để cho ai? Cho tất cả đàn con cháu của mình sau này khỏi bị mất gốc, nhớ ơn ông bà tổ tiên, nhớ ơn nguồn gốc tín ngưỡng qua hình ảnh ngôi chùa Phật Giáo Việt Nam."*

Thật đúng như lời thơ:

Chùa đứng hiền lành tự thuở xưa
Hồn dân gửi gắm tự bao giờ
Tổ tiên bồi đắp qua năm tháng
Nối tiếp không ngừng lớp tuổi thơ.

(Ngày vui dân tộc – Huyền Không)

Tiếp bước hạnh nguyện cao cả ấy, thế hệ Tăng Ni trẻ hôm nay luôn cố gắng nỗ lực kế thừa và phát huy những chí nguyện mong muốn của Ngài. Với niềm tin tưởng trong tương lai, những ngôi chùa Việt Nam tại Nhật Bản sẽ ngày càng phát triển và hưng thịnh, xứng đáng là những chỗ dựa tâm linh vững chắc cho cộng đồng Phật tử, là nhịp cầu kết nối tình thân giữa những người con Việt Nam xa xứ. Qua đó, các thế con cháu người Việt hôm nay và mai sau trên xứ người sẽ được biết đến phong tục tập quán, bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc sẽ được gìn giữ và lưu truyền, và nhất là thấm nhuần những giá trị đạo đức của Phật giáo. Đó cũng là ước nguyện chung của tất cả những ai đã và đang âm thầm xây dựng hồn Việt trên xứ Phù Tang. ■

**Trích lời phát biểu khai mạc của cố Hòa thượng Thích Minh Tuyên tại tiệc chay gây quỹ xây dựng Tăng xá và ống Tam quan của chùa Việt Nam, diễn ra vào ngày 10 tháng 07 năm 2016, nhà hàng Kim Sơn, Houston Texas, Mỹ.*



Sự sống màu nhiệm

Vô Trí

Sự sống màu nhiệm!

Gió lạnh đông tàn tuyết vẫn rơi
Trái thân nắng gió bốn phương trời
Thong dong bước nhẹ về bốn giác
Huynh đệ bên nhau vượt trùng khơi.

Sư em ạ! Hôm nay nhận được thư của sư em, sư anh vui lắm vì biết em vẫn bình an. Hôm trước nghe lưng sư em đau lắm, giờ đã đỡ chưa? Sư anh có nhắn các sư chú lấy thuốc cho em. Em đã dùng thuốc chưa? Thật lòng thì cũng có chút gì đó vấn vương khi tạm xa các em, nhưng hạnh phúc là sự

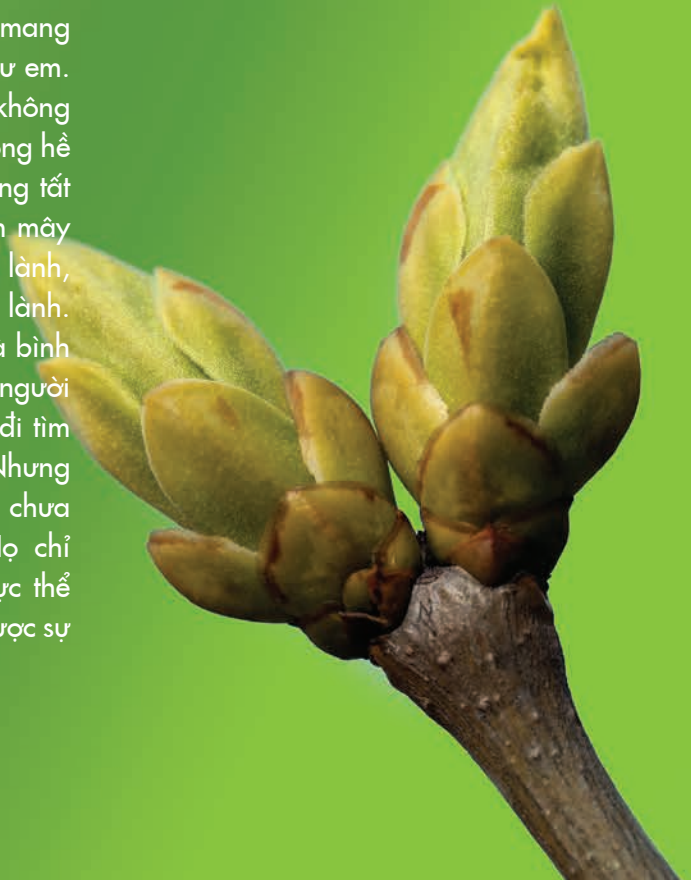
hiếu biết của sư em luôn đồng hành cùng sư anh và đại chúng. Tình người tu sỹ của chúng ta là vậy. Dạt dào như đại dương, thâm lặng như suối mát. Bởi, đến cũng là duyên mà đi cũng là duyên nhưng sư anh tin duyên của huynh đệ chúng ta vẫn tốt đẹp lâu dài. Những ngày qua, được quý Phật tử Minh Hương - Diệu Châu yểm trợ cho chuyến thăm đến Canada. Cảnh vật nơi đây bình yên, bao la rộng lớn. Đứng trước thiên nhiên mới thấy sự vĩ đại của nó. Tự nhiên sư anh chạm

được đến cái hơi thở bất tử của mình. Thở vào bình lặng, thở ra an nhiên dưới cái lạnh -4 độ. Sự sống thật màu nhiệm phải không sư em? Chúng ta đi xuất gia là đi về với sự sống mà sự sống vẫn luôn bên cạnh, sự sống đâu có mất đi bao giờ. Nhớ hồi mới xuất gia, sức mạnh của một vị “Sơ Phật” mạnh lắm! Cái đó là “Tâm bồ đề”, là “Sơ phát tâm” mà cũng là sự sống đó sư em ạ. Vì cái tâm muốn cống hiến, muốn sống không phải riêng mình mà sống vì mọi người, sống vì tình huynh đệ, sống vì lý tưởng phụng sự trong mỗi chúng ta.

Thật là màu nhiệm! Cái hơi thở giữa trời đất bao la mới tràn đầy năng lượng làm sao. Năng lượng của tự do, của thanh thoi, của giải thoát. Sư anh muốn bay lên không trung, muốn biến mình thành mây để có thể mang mưa, mang sự che chở về cho sư em. Đám mây thông dong nhưng không vô định, nó đến và đi nhưng không hề tan biến bởi nó luôn có mặt trong tất cả sự sống. Sư em cũng là đám mây lành, sư chú cũng là đám mây lành, đệi chúng cũng là đám mây lành. Mây bay đến đâu là che mát, là bình an, là yêu thương có mặt. Dòng người du ngoạn cứ tấp nập, họ cũng đi tìm cái sự sống của họ đó sư em. Nhưng cái khác nhau là sự sống đó chưa hoàn hảo lắm phải không? Họ chỉ ngắm nhìn sự sống như hai thực thể khác nhau mà chưa chạm đến được sự

sống. Họ đi tìm sự sống nhưng không biết sự sống có mặt ngay bên họ. Họ thật tội nghiệp! Sư em có nhớ chàng Cùng Tử trong kinh Pháp Hoa không? Khi chưa nhận diện ra nhiệm màu của sự sống thì chúng ta cũng vậy đó.

Huynh đệ chúng ta thật may mắn phải không? Đừng bao giờ cho rằng sự sống ngắn ngủi nữa nhé sư em. Bởi sư em đâu có sinh diệt, sư em đâu có đến đi mà sư em là chất liệu của vô sinh bất diệt, là mầm sống của hiểu và thương. Sự sống sẽ được tiếp nối vô tận khi chất liệu đó được chia sẻ đến mọi người đó cũng là cách mà sư anh, sư em luôn có mặt cùng nhau. Nào! Bây giờ hãy thở cùng sư anh. Chúng ta cùng thở với sự sống nhiệm màu. ■





Mùi vô thường

Phan Chi Nguyên

Khi chiếc xe chở hai huynh đệ chúng tôi vào cổng đài hóa thân Hoàn Vũ - Văn Điển ở Hà Nội, một không khí ngọt ngào chiếm lĩnh toàn bộ tâm hồn tôi. Mọi người trong chiếc áo tang trắng đứng ngồi chờ đợi để làm thủ tục nhận lại phần tro cốt của người thân. Huynh đệ chúng tôi được dẫn vào nhà giữ tạm tro cốt để dẫn linh, nhận tro cốt đi an táng cho một cụ ông. Mùi khói của hương, mùi của những thứ nước ngũ vị hương, mùi của rượu gừng, mùi của keo dán, mùi mồ hôi của người sống... tất cả hòa quyện trở thành mùi mà tôi nghĩ là mùi vô thường. Mùi vô thường có khắp nơi, đó có thể là mùi kháng sinh sát trùng ở bệnh viện, có thể là mùi tanh hôi của một lò mổ, có thể là mùi của việc đốt giấy vàng mã...

Buổi lễ được cử hành nhanh chóng để nhường lại không gian cho người tiếp theo. Tro cốt được xếp đặt trên những khung ô nhỏ được ghi tên tuổi và ngày tháng năm sinh năm mất người chết. Dù người ấy làm nghề gì, địa vị nào, dù bao nhiêu tuổi lớn nhỏ

khác nhau thì ở đây đều chỉ được một ô nhỏ duy nhất. Trong nhà tang lễ, người chết đều được đối xử như nhau. Và trước cửa vô thường sinh tử, mọi chúng sinh đều bình đẳng như nhau.

Chúng ta cảm giác cái chết có gì đó rất ghê gớm đến nỗi trong những lúc giao tiếp ta không dám hoặc né tránh đến mức tối đa những gì liên quan đến chết. Nhớ có lần tôi nói chuyện với bạn rằng, đêm nay ngủ một giấc không biết ngày mai có còn tỉnh dậy được nữa không. Thế là bạn tôi liền trách sao lúc nào cũng nói chết và chết, bi quan quá. Cuộc sống vẫn tốt đẹp mà bi quan như thế thì làm sao tận hưởng được giá trị của cuộc sống đang diễn ra. Tôi cười và giải thích để bạn hiểu được rằng đó không phải là bi quan, tiêu cực mà là một cách để tôi nhớ đến vô thường.

Bi quan là trạng thái chán nản, nhìn thế giới vạn vật bằng một nỗi buồn, một sự vô vọng, một cuộc sống không có lối thoát. Khi nhìn bằng con mắt và tâm lý chán chường ấy thì cuộc đời này chẳng có gì thú vị để cảm nhận



và không thể nào sống tốt, sống đẹp lên được. Ngược lại, khi ta đặt mình cạnh kẻ bên cái chết ta mới trân trọng những phút giây của cuộc sống này. Chẳng phải nhạc sĩ Hoài An đã viết “Nếu chỉ còn một ngày để sống” với ý thức về sự mong manh của cuộc sống và sự nuối tiếc của con người hay sao. Nếu chỉ còn một ngày để sống thì ai cũng sống gấp sống vội, ai cũng khao khát làm được thật nhiều việc, đi được nhiều nơi, thăm được nhiều người... Nhưng chỉ còn một ngày để sống thôi thì dường như không thể cho tất cả mọi việc.

Đa số thường chạy theo những thứ gọi là danh - sắc mà quên rằng chén trà hay đóa hoa cũng mang giá trị sống hơn cả sống. Giá trị của nó là giá trị đang là, nó mang bao triết lý cuộc sống để mỗi một người tự bồi đắp, đắp vẽ cho cuộc sống của chính mình và mọi người xung quanh. Đã có nhiều trường hợp tự tử mà không chết. Khi nằm trên băng-ca bệnh viện, đang cảm nhận nỗi đau thể xác trong phòng cấp cứu thì kêu than, hối hận và muốn được sống. Mới hay rằng khi đứng ở ngưỡng cửa của đời sinh tử thì cảm giác mong mỗi được sống mãnh liệt hơn.

Tôi vẫn luôn để mình sống trong suy nghĩ hôm nay là ngày sống cuối cùng của tôi, cái chết với tôi nhanh chóng vô cùng. Sống trong vô thường của kiếp người, ai cũng nên tập cảm nhận vô thường để tạo cho mình một “sức đề kháng” khổ đau. Vô thường là vết cứa từ từ của thời gian. Nhận diện vô thường là cách để mình sống hết quý thời gian của một ngày cho thiệt trọn vẹn. Những gì cần làm thì phải làm, không thể hẹn ngày mai; yêu thương được một ai thì phải yêu thương kéo dài mai này không còn cơ hội để yêu thương nữa.

Con đường tu Phật là một quá trình và giá trị của cuộc sống nằm trong hành trình sống. Mỗi người sẽ tự mình quán sát mới mong nhận diện ra giá trị ấy. Mùi vô thường mà tôi cảm nhận vẫn đang ở trước sống mũi của tôi. Một hơi thở vào ra quyết định một kiếp sống.

Tra Am, 2018



Ký ức Chùa tôi

Thích Tâm Trí

Đêm nay, cũng như bao đêm khác, thời tiết lạnh của mùa đông cứ bao trùm lên màn đêm Nhật Bản. Khí hậu lạnh, đã làm cho tấm thân nhỏ bé, phong sương của tôi không thể tránh khỏi cảm thương hàn của giá lạnh khắc nghiệt ấy. Mặc dù đã uống thuốc nhiều hôm liền mà bệnh vẫn không thuyên giảm được chút nào.

Ôi! Cái lạnh buốt băng giá làm cho chân tay run rẩy, da mặt khô sần, từng làn khói trong hơi thở thay nhau đi ra. Khoảng không gian đó làm cho tôi chợt nhớ những ngày lạnh buốt của mùa đông nơi quê hương nghèo và những ngày nắng nóng như cháy da của xứ thượng thị xã Ayunpa.

Cứ thế tôi miên man, trời đã khuya mà không tài nào chợp mắt được, trong ký ức cứ thế hiện lên bao điều kỷ niệm của thuở ấu thơ.

Tôi nhớ, ngày xuống tóc xuất gia quy y vào cửa Phật, anh chị trong gia đình nhất quyết can ngăn chí hướng và lời thề nguyện của tôi. Họ đã rất nhiều lần nài nỉ, thuyết phục cũng như đưa ra những điều răn đe không cho tôi xuất gia. Nhưng, trước sự cương

quyết của một đứa trẻ 8 tuổi, cuối cùng anh hai trưởng trong nhà cũng đồng thuận theo tâm nguyện của tôi. Và như thế, tôi đã được xuống tóc quy y tại ngôi chùa trong làng. Hạnh phúc và những hoài vọng cứ chạy đều và hiện lên đôi mắt của tôi - một cô tiểu Ni muốn học hạnh làm Phật.

Lúc ấy, tuy còn nhỏ nhưng tâm hồn tôi thanh thản và rất an lạc mặc dù xa gia đình. Việc xuất gia đối với tôi như được bước trên con đường mà mình từng đi qua vậy, mặc dù chưa biết gì nhưng cảm giác quen thuộc, mong chờ cứ lâng lâng. Nên, trước ngày xuất gia tôi cũng đã trần trọc không ngủ được, có lẽ là vì khao khát được làm chú tiểu trong chùa cùng học kinh kệ với chú huynh đệ đã khiến tôi mừng mừng, đợi đợi cho nhanh đến ngày mai.

Ngày đó, tôi xuống tóc xuất gia đúng vào ngày Đức Phật Thích Ca Đản Sanh (8/4 AL). Khoảnh khắc đó tới bây giờ vẫn mồn một rõ hiện trong tôi.

Hôm đó, vào lúc 4 giờ sáng thầy Trụ trì chùa Bửu Tịnh cùng một số bạn bè trong lớp oanh vũ, mọi người cùng kết tràng hoa đeo vào cổ cho tôi, để biểu hiện một ngày mới bắt đầu cho

sự trưởng thành trong con đường đạo pháp giải thoát giác ngộ. Trong buổi lễ Xuất gia, tôi được Thầy hướng dẫn đánh lễ chư Phật, Thầy Tổ và sau cùng hướng về Mẹ tôi. Vì theo giáo lý của đấng Từ Phụ dạy rằng: “Kẻ xuất gia lìa khỏi nhà thế tục thì không còn quyến quuyến đến gia đình người thân quyến thuộc nữa, mà lo tu trì độ chúng sanh, trong chúng sanh gồm có quyến thuộc, nên sở dĩ hướng về phía Mẹ tôi để lạy ba lạy gọi là sự cảm tạ sanh ta, nuôi ta, vì ta mà hi sinh tất cả. Chính vì công ơn sanh thành dưỡng dục cù lao đó mà từ nay trở đi, vào thiền môn tinh tấn tu tập để ngộ hầu báo đền tứ trọng ân, nguyện cứu độ lục thú tam đồ trong biển khổ sanh tử trầm luân khổ đau”.

Sau khi lễ ba lạy xong, ngay khi Thầy dùng kéo xuống tóc cho tôi cũng là lúc bình minh vừa ló dạng từ đỉnh núi. Mẹ, anh chị, bạn bè Phật tử oanh vũ, đạo hữu và cùng bác năm Vãng - trưởng ban hộ tự, cả trăm người đón mừng chúc tụng và trông chờ những sợi tóc trên đầu tôi rơi xuống bằng những cặp mắt, khuôn mặt khả ái, nhân từ.

Ngoài vườn hoa, tôi quỳ chấp tay chờ Thầy đến, trên cổ vai vẫn đeo vòng hoa Đào (gọi là vòng hoa Nguyệt Quế theo văn hóa Hy Lạp) do nhóm oanh vũ tặng cho. Mặc dù bên cạnh vẫn có Mẹ, có anh chị ngồi bên nhưng trong lòng tôi cảm thấy xa xa lắm, cái khoảng cách đó xa bao nhiêu, cự li khoảng bao nhiêu kilomet, tôi cũng không thể đo lường được, đại khái trong thâm tâm tôi cứ hiện lên cái xa cách đó như nghìn trùng vạn dặm vậy.

Thời gian đã đến bước nhấp kéo đầu tiên, không hiểu tại sao trong lòng tôi không thể mãnh liệt như còn ở nhà nữa. Trong trí óc không thanh tịnh để niệm Phật, mà cứ luẩn quẩn quần đệp áo thom, khi bị la rầy còn ôm vào trong lòng mẹ khóc..., cho đến khi trên đầu chỉ còn một chỏm tóc bé nhỏ thì tôi òa khóc, tôi chợt nhớ lại tâm nguyện ban đầu để bình tĩnh hơn.

Một ngày mới bắt đầu làm điệu hầu Thầy, quét dọn, đuổi quạ... mặc chiếc áo vật hò màu nâu chưa quen, tôi cảm thấy khó chịu và không được tự nhiên lắm, rồi cảm giác cái đầu trống trống, còn mỗi cái chỏm trái đào nhỏ làm tôi cứ nghĩ rồi cười mỗi khi lấy tay sờ lên đầu. Quý đạo hữu Phật tử ở chùa ai cũng muốn sờ thử chỏm tóc ngộ nghĩnh của tôi, nghe mọi người khen để thương mà trong tôi thật sự lại thấy ngộ ngộ.

Màu nâu và màu lam đã dần trở nên quen thuộc trong mắt tôi. Chỉ có hai bộ mặc qua mặc lại nên tôi rất quý và giữ gìn một cách cẩn thận. Vì theo lý tưởng của nhà Phật, ban đầu vào chùa hành điệu không nên xa hoa, phung phí mà phải chăm chỉ bòn phước, nên việc may sắm đồ mới cũng không tốt cho đức hạnh của người làm điệu. Thay vào đó, việc mặc lại đồ cũ của chư huynh đệ đi trước được xem như một cách tu tập cho mình. Chính vì vậy mà tôi quyết không nhận đồ mới hoặc may đồ mới cho mình.

Trong lúc ấy, đôi lúc tôi cũng thấy buồn khi không có bạn đồng lứa với mình để chia sẻ trong lúc cô đơn của một điệu chỏm như tôi. Lúc đó, tôi có

người sư huynh tên là Lê Hoàng, tuy lớn hơn tôi vài tuổi, nhưng gương mặt hiền từ, phúc hậu, trông rất giống trẻ con. Huynh ấy có tấm thân cao, gầy, chạy nhảy rất nhanh và có giọng tụng kinh tán kệ giống hệt như Thầy tôi vậy, ai ai cũng đều ngợi khen. Ngoài Thầy Tổ, sư huynh Lê Hoàng, trong chùa còn có thầy Sự, thầy Kí, chú Thiện Hạnh và bà Hai Vãi trông nom nấu cơm, nguyện chuông...

Hằng ngày, chúng tôi quét dọn chánh điện, tưới hoa quả rau trái trong vườn, giờ nghỉ trưa tôi tranh thủ học kinh mà Thầy đã dạy. Kinh Di Đà, Lăng Nghiêm tôi chỉ học trong thời gian ngắn là liền nhanh nhẩu chạy lên thỉnh Thầy dò bài cho. Sau khi trả bài xong, Thầy liền đặt pháp danh cho tôi là Tâm Trí - cái tên gắn với cuộc đời tôi cho đến bây giờ.

Theo như giới luật của đức Phật dạy, nếu chưa được thọ giới thì tuyệt đối không được xem luật, nhưng Thầy tôi nói rằng: còn nhỏ học được thì cứ học, nên tuy chưa thọ giới Sa di, nhưng tôi đã học thuộc lòng bộ Sa di hàng luật và kế tiếp là học tán, tụng theo nghi lễ miền Trung.

Học kinh ba tháng, học tán ba năm như những vị Kinh Sư đã nói, tuy không hay lắm nhưng thường đi đám cúng với thầy rồi cuối cùng tôi cũng quen dần tán tụng.

Nhiệm vụ làm thị giả hằng ngày, tôi phải ngủ sau Thầy và thức dậy trước Thầy để lo những công việc như khăn nước để Thầy rửa mặt, vệ sinh, y áo chỉnh sửa cho trang nghiêm, sau khi thầy ra khỏi phòng thì lo trà nước,

trong quá trình Thầy tụng kinh thì hầu quạt khi thời tiết nóng của mùa hè bức oai. Cho đến bữa điểm tâm sáng, cơm trưa và bồi dưỡng lúc xế chiều. Vì Thầy tôi giữ đúng như luật không ăn chiều. Đêm xuống, tôi và huynh Lê Hoàng giảng mừng mên, chiếu gối ngăn nắp, chỉnh tề trước khi Thầy đi ngủ. Những khi trở trời, khi Thầy bệnh, không những tôi và chú Lê Hoàng mà cả toàn thể quý Đạo hữu Phật tử, ai ai cũng túc trực chăm lo cho sức khoẻ của Thầy.

Sáng sớm như mọi ngày, sau khi công phu khuya xong, tôi và thầy Kí phải lo quét dọn chánh điện, thay hoa chưng quả, dâng nước, đèn dầu... Trong khi đó bà Vãi lo thổi lửa nấu cháo điểm tâm. Trong ba tháng hạ an cư, mỗi sáng ăn cháo trắng với muối, ngày nào cũng ăn nên cảm giác ngán tới cổ nhưng phải cố mà ăn, chú Lê Hoàng thay vì ăn với muối, chú ấy làm muối tiêu bột ngọt và thêm chút ít chanh, ăn thấy ngon và tôi trở nên ghiền món tiêu chanh của chú ấy vậy.

Sau khi làm xong công việc trên chánh điện, tôi phải làm công việc hái hoa quả như: nhãn, cây ổi, cây điệp trung cúng chánh điện vào những ngày vía hoặc rằm. Kỷ niệm không quên đó là cây ổi, không hiểu sao quanh năm suốt tháng cứ thay nhau đơm hoa kết trái cho tôi và chú Lê Hoàng cùng chú Thiện Hạnh, huynh đệ lúc nào cũng hái và chấm muối ớt, có khi nặng đau cả bụng mà vẫn thấy vui, đúng là "ham thực thì cực thân". Cùng với cảnh sinh hoạt đó, chú Lê Hoàng và chú Thiện Hạnh phải lo xách



nước tưới nấm mèo và rau quả, cây kiếng. Sở dĩ chùa làm nấm mèo, rau quả là vì chùa là chùa của bá tánh, của làng xóm, vào những ngày rằm lớn, Đạo hữu Phật tử gom góp tiền, gạo nếp, bông chuối để lo đám rằm, còn thường ngày chùa phải lo nhiều kinh phí khác như xây cất, trang thiết bị vật liệu, sửa sang... Ngoài ra, quý Đạo hữu cùng Thầy tôi trồng đậu, sắn, bình tinh... theo vụ mùa, như những người nông dân, chùa cũng có trồng thêm lúa thu hoạch. Mỗi khi gặt hái, mọi người trong chùa, ai ai cũng đều hoan hỉ góp sức chung lòng, từng giọt nước rơi sẽ đầy lu, từng bàn tay chung sức chung lòng, xây dựng nên rừng công đức cho bức tranh ngôi chùa Bửu Tịnh càng trở nên tráng lệ giữa núi rừng hùng vĩ hơn.

Về rau, chú Thiện Hạnh đứng ra chỉ đạo và cũng một số Đạo hữu trồng

rau muống, cải, bạc hà, hoa huệ... để bán vào ngày rằm. Mỗi một Phật tử về chùa đều chung tay góp người một viên gạch bằng cách mua hoa ủng hộ hằng ngày.

Ngoài ra, Thầy tôi còn chỉ dẫn cho thầy Tri Sự, và thầy Tri Sự đảm trách toàn bộ sổ văn, ghi chép, và lo về phần nghi lễ.

Mỗi người một công việc đoàn kết nhau, sống dưới pháp lực hòa của đức Phật dạy, nên trong chùa tôi không khí trang nghiêm và rất thanh tịnh. Đây có lẽ là việc ngẫu nhiên chăng! Tên chùa và tên Thầy tôi hợp lại trở nên Yên Tĩnh sân chùa.

Quét dọn cơm nước mỗi ngày, cộng chung lễ lớn nấu nướng bày biện chén bát do bà Hai Vãi chịu trách nhiệm và đứng ra sắp xếp chỉ đạo.

Hàng năm, ngoài việc cúng cầu an đầu năm, còn có cầu siêu trong mùa

Vu Lan, hoặc lễ Phật Đản ra, đối với những hoàn cảnh khó khăn khi có hữu sự, Thầy tôi đều huy động Phật tử đóng góp giúp đỡ bất kỳ sáng sớm, hay đêm khuya, bất kể nắng mưa gió bão, hễ nhà nào có hữu sự, Thầy tôi đều hết lòng cứu giúp. Nơi nào cũng có dấu chân Thầy đi, đến đâu cũng vang rộn tiếng tôn thờ, cả huyện, ai ai cũng kính mến ngưỡng mộ Thầy.

Vài năm sau, tôi cũng đã lớn, mười bốn tuổi đầu, về việc học, ngoài học kinh hầu Thầy, đuổi quạ trong suốt thời gian hành điếu, thì cần phải mở mang giáo lý của Phật Đà. Vì đời này, "học đạo không thông lý đời, sau trả nợ tìn thì". Chính vì vậy mà Thầy tôi đã gởi tôi vào thành phố tu học. Bốn phận làm con, làm đệ tử không dám trái lời Thầy, nên tôi đành thu xếp hành lý để lên đường tu học. Chỉ còn vài ngày nữa thôi, tôi phải xa Thầy, xa huynh đệ, xa mái chùa thân thương và bao người Phật tử cùng thân bằng quyến thuộc. Tôi làm sao quên được nơi mà nung đúc cho tôi những kỷ niệm đẹp của thời làm điếu.

Trước ngày tôi lên đường, không hiểu sao không khí trong chùa rất buồn. Ngày hôm đó, mọi người muốn giấu đi gương mặt buồn, nên không ai nói chuyện ai cả, mà chỉ trao quà cho tôi rồi quay lưng đi làm việc. Chú Thiện Hạnh thì cho tôi bột ngũ cốc, chú nói rằng: "Đi xa khi nào đói bụng thì dùng cho bổ nhé!". Vì chú ấy ruột yếu nên ăn toàn là cháo với bột thôi. Chú chỉ cho tôi cách khuấy. Tôi cứ khóc trong lòng cảm thấy nghẹn ngào lắm. Kế tiếp đó là thầy Kí chỉ có cuốn vở và cây viết thôi. Lần đầu tiên tôi mới cầm được cuốn vở bằng trang giấy trắng.

Có lẽ Thầy ấy tốn nhiều tiền lắm, vì vở trắng đắt hơn vở đen, trong đời tôi khi nhận được vở trắng tôi mừng, xúc động nghẹn ngào. Ngoài ra, Thầy Kí còn dặn tôi vào thành phố sẽ không còn có dịp ăn "mì Sa di" nữa, nên Thầy cho thêm tôi hai gói. Sở dĩ mì Sa di là vì chúng tôi còn hẳn là chúng điếu và kinh tế Đạo hữu cũng khó khăn, nên cúng mì gói mà loại giấy, còn mì gói loại nylon thì mắc nên đôi khi Phật tử đem về cúng, chúng tôi đều dành riêng và lâu lâu mới chế dâng cho Thầy. Đại loại dễ hiểu, mì Sa di là mì giấy, còn mì Tỳ kheo là mì nylon vậy, đó là danh từ biệt hiệu mà huynh đệ tôi đặt cho một thời hành điếu.

Thầy Tri Sự là một người hay ghi chép, kể từ ngày biết tin tôi sẽ vào đô thị để tự lập, thì Thầy ấy thức suốt trắng đêm mấy ngày liền, ghi toàn bộ nghi thức cúng tụng như cúng Linh, cúng Ngọ, cúng Cô hồn, Chẩn tế hay cúng sao, cúng hạn, giải trừ giải ách... Thầy chép hết toàn bộ cho tôi và nói rằng: "một khi đã nhớ thuộc lòng thì không cần đến, nhưng làm người ai mà không quên, khi quên thì rất cần." Nhận được quyển kinh, tôi lật đi coi lại những dòng chữ nắn nót, rõ ràng như gởi hết cả tâm cúng dường vào trong kinh vậy.

Bà Hai Vãi biết tôi rất thích muối tiêu, muối ớt, nên mấy hôm trước lo rang muối giả tiêu cộng chung vào cộng sả khô giã nhuyễn trộn đều, bỏ trong hộp chao cẩn thận. Sợ đi đường xa bị bể nên gói giấy xi-măng cả trong mấy lớp luôn. Ôi những tình cảm chân thật, hồn nhiên thấm đượm ân tình, giờ đây tôi muốn tìm lại cũng không dễ.

Trước ngày tôi lên đường, không

hiếu sao không khí trong chùa rất buồn, chú Lệ Hoàng, thầy Kí... ai cũng buồn cả. Người buồn nhất vẫn là Thầy tôi. “Con đi rồi phải nhớ tinh tấn tu hành, sống chung với Tăng đoàn. Con phải giữ tâm bình đẳng, lục hoà, nhẫn nhục dù gặp bất cứ hoàn cảnh nào, con phải cố vượt qua những thử thách chông gai trong chặng đường mà con đang tiến bước. Con một thân một mình nơi xứ lạ quê người, con phải tu nhiều hơn nữa”.

Ôi! Lời dạy của Thầy như còn văng vảng đâu đây, tuy hiện nay ở xa Thầy hơn 1/4 trái đất nhưng lời dạy của Thầy con vẫn nhớ mãi và mãi mãi canh cánh bên lòng.

Sau vài năm, theo dòng luật vô thường thầy Tri Sự, chú Thiện Hạnh, thầy Kí, bà Hai Vãi vì cơn bệnh đã trực vãng Tây phương. Còn chú Lệ Hoàng vì hết duyên và đã hoàn tục. Giờ đây về lại ngôi chùa khác hẳn rồi. Mái chùa ngày xưa dột nát bây giờ đã khang trang, chánh điện sáng đẹp. Thầy vẫn còn đó, nay thêm vài chục chú đệ huynh đệ mới vào, cây ổi, cây nhãn kỷ niệm năm xưa vẫn còn đó, nhưng người bạn đồng hành, người sư huynh tri kỷ của tôi nay trôi dạt phương trời nào. Mọi sự vật hiện tượng tuy mới lạ, nhưng trong tôi vẫn còn chất chứa bao kỷ niệm dưới mái chùa thân thương này.

Giờ đây tuy đang dẫn thân du học, hành đạo nơi xứ sở Phù Tang, đất nước mặt trời mọc, phồn hoa náo nhiệt, nhưng Thầy ơi, người ơi, chùa ơi, con làm sao quên được những ân tình sâu nặng thiêng liêng ấy.

Nhiều đêm, tôi chợt nhớ Thầy, nhớ chùa da diết, đọc lại từng dòng nhật ký mà tôi đã ghi: “Thầy ơi! con làm sao quên được những đêm Thầy không ngủ được, con cũng như chú Lệ Hoàng vẫn ngồi sau lưng bên góc phòng chờ Thầy ngủ, sau đó huynh đệ chúng con mới dám ngủ. Ngồi cảm quyển luật Sa di mà đầu cứ gật lia lịa, cho đến khi Thầy mở lời: “Cho phép tụi con đi ngủ sớm, hãy đi ngủ đi tụi con, sáng sớm phải nhớ dậy công phu nhé. Công phu khuya nó như nhắc lại cho con từ ngàn kiếp xưa, con đã sơ phát tâm cứu độ chúng sanh và làm cho trí tuệ của con tăng trưởng lên, hãy tinh tấn thật nhiều nữa nhé con”. Ôi lời Thầy thấm thía, ngọt ngào độ lượng quá, giờ đây tuy ở xa Thầy, con cần được hơi ấm tình thương thầy trò dạy bảo, hỗ trợ nhau trên con đường tu đạo giải thoát. ■

ĐÓA PHÙ SINH

Ươm bao nhiêu cuộc phù sinh

Trắng con sóng bạc giạt mình ngấn ngò

Đóa hoang vu chợt bắt ngờ

Chuyển mùa nở buốt cả bờ thình không.

Pháp Hải Châu Lâm

